

Số: 9315 /QĐ-NHCS

Hà Nội, ngày 13 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục giải quyết công việc được thay thế lĩnh vực hoạt động khác thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngân hàng Chính sách xã hội

TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

Căn cứ Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 04/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH);

Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg ngày 22/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ văn bản số 705/NHCS-PC ngày 12/02/2018 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn thực hiện kiểm soát thủ tục giải quyết công việc (TTGQCV) của NHCSXH;

Xét đề nghị của Giám đốc Ban: Pháp chế, Quản lý và xử lý nợ rủi ro.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 15 TTGQCV được thay thế, lĩnh vực hoạt động khác thuộc thẩm quyền giải quyết của NHCSXH (Danh mục TTGQCV được thay thế tại phần A; nội dung cụ thể của TTGQCV được công bố tại phần B kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký;

Điều 3. Chánh Văn phòng NHCSXH; Giám đốc: Ban Pháp chế, Quản lý và xử lý nợ rủi ro, các Ban chuyên môn nghiệp vụ tại Hội sở chính; Trung tâm Đào tạo, Trung tâm Công nghệ thông tin, Sở giao dịch, Chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP (b/cáo);
- Tổng Giám đốc (báo cáo);
- Trưởng BKS; các Phó TGD, KTT;
- Website NHCSXH (Ban PC);
- TTCNTT (truyền filetrans cho chi nhánh); NHCSXH các tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, PC, QLN.



Huỳnh Văn Thuận



**THỦ TỤC GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC ĐƯỢC THAY THẾ
LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHÁC THUỘC THẨM QUYỀN
CỦA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 9315/QĐ-NHCS ngày 13/10/2021
của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội)*

Phần A

DANH MỤC THỦ TỤC GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC

Danh mục TTGQCV được thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết của HCSXH

Số TT	Số hồ sơ TTGQCV	Tên TTGQCV được thay thế	Tên TTGQCV thay thế	Tên văn bản quy định nội dung thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	2.000319	Thủ tục xử lý gia hạn nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng là cá nhân, hộ gia đình	Xử lý gia hạn nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng là cá nhân, hộ gia đình, tổ chức kinh tế.	Quyết định số 62/QĐ-HĐQT ngày 27/9/2021 của Hội đồng quản trị ban hành Quy định xử lý nợ rủi ro trong hệ thống NHCSXH	Hoạt động khác	NHCSXH nơi thực hiện thủ tục (cấp tỉnh, cấp huyện)
2	2.000297	Thủ tục xử lý khoan nợ bị rủi ro tối đa 3 năm do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng là cá nhân, hộ gia đình	Xử lý khoan nợ bị rủi ro tối đa 03 năm do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng bị rủi ro do thiên tai, dịch bệnh, Nhà nước thay đổi chính sách làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của khách hàng.	Như trên	Như trên	Như trên
3	2.001461	Thủ tục xử lý xóa nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng là cá nhân: người lao động bị tai nạn nghề nghiệp trong quá trình đi lao động ở nước ngoài	Xử lý khoan nợ bị rủi ro tối đa 03 năm do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng là người đi lao động ở nước ngoài phải về nước trước hạn.	Như trên	Như trên	Như trên
4	2.002155	Thủ tục xử lý khoan nợ bị rủi ro tối đa 3 năm do nguyên nhân khách quan	Xử lý khoan nợ bị rủi ro tối đa 03 năm do nguyên nhân khách	Như trên	Như trên	Như trên

		đối với khách hàng là tổ chức kinh tế	quan đối với các khoản nợ phải thu hồi theo bản án, quyết định của Tòa án nhưng người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án theo thông báo của cơ quan thi hành án.			
5	2.001447	Thủ tục xử lý xóa nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng vay vốn, học sinh sinh viên hoặc người đi lao động tại nước ngoài vay vốn thông qua hộ gia đình là cá nhân mắc bệnh tâm thần	Xử lý khoanh nợ bị rủi ro tối đa 03 năm do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng là cá nhân hoặc có thành viên trong hộ gia đình bị: Mắc bệnh tâm thần; mắc bệnh hiểm nghèo; mắc bệnh khác dẫn đến mất năng lực hành vi dân sự; có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; bị suy giảm khả năng lao động vĩnh viễn từ 81% trở lên; chết hoặc bị tuyên bố là đã chết; bị tuyên bố mất tích.	Như trên	Như trên	Như trên
6	1.005340	Thủ tục xử lý xóa nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng vay vốn, học sinh sinh viên hoặc người đi lao động tại nước ngoài vay vốn thông qua hộ gia đình là cá nhân mất năng lực hành vi dân sự	Xử lý khoanh nợ bị rủi ro tối đa 03 năm do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng là cá nhân hoặc có thành viên trong hộ gia đình bị bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định của Bộ Y tế.	Như trên	Như trên	Như trên
7	2.000936	Thủ tục xử lý gia hạn nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng là tổ chức kinh tế	Xử lý khoanh nợ bị rủi ro tối đa 03 năm do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng bị rủi ro trước thời điểm năm 2014 không thực hiện xử lý kịp thời.	Như trên	Như trên	Như trên
8	2.000499	Thủ tục xử lý khoanh nợ bị rủi ro tối đa 5 năm do	Xử lý khoanh nợ bị rủi ro tối đa 05 năm	Như trên	Như trên	Như trên

		nguyên nhân khách quan đối với khách hàng là cá nhân, hộ gia đình	do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng bị rủi ro do: Thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, Nhà nước thay đổi chính sách làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng.			
9	2.002153	Thủ tục xử lý xóa nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng vay vốn, học sinh sinh viên hoặc người đi lao động tại nước ngoài vay vốn thông qua hộ gia đình là cá nhân mất tích hoặc bị coi mất tích	Xử lý khoanh nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan đối với trường hợp tất cả thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn vắng mặt tại nơi cư trú và không có thông tin xác thực về tung tích từ 02 năm trở lên.	Như trên	Như trên	Như trên
10	2.002154	Thủ tục xử lý khoanh nợ bị rủi ro tối đa 5 năm do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng là tổ chức kinh tế	Xử lý khoanh nợ bổ sung do nguyên nhân khách quan đối với trường hợp hết thời gian khoanh nợ, khách hàng vẫn gặp khó khăn, chưa có khả năng trả nợ.	Như trên	Như trên	Như trên
11	2.000369	Thủ tục xử lý xóa nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng vay vốn, học sinh sinh viên hoặc người đi lao động tại nước ngoài vay vốn thông qua hộ gia đình là cá nhân ốm đau thường xuyên	Xử lý xóa nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan đối với tất cả các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn bị rủi ro do một trong các nguyên nhân: Mắc bệnh tâm thần; mắc bệnh hiểm nghèo; mắc bệnh khác dẫn đến mất năng lực hành vi dân sự; có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; bị suy giảm khả năng lao động vĩnh viễn từ 81% trở lên; chết hoặc bị tuyên bố là đã chết; bị tuyên bố mất tích.	Như trên	Như trên	Như trên

12	2.002142	Thủ tục xử lý xóa nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng vay vốn, học sinh sinh viên hoặc người đi lao động tại nước ngoài vay vốn thông qua hộ gia đình là cá nhân: chết hoặc bị coi là chết	Xử lý xóa nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan đối với các khoản nợ bị chiếm dụng mà người chiếm dụng chết, mất tích.	Như trên	Như trên	Như trên
13	1.003450	Thủ tục xử lý xóa nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng là pháp nhân, tổ chức kinh tế vay vốn bị phá sản, giải thể	Xử lý xóa nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng là pháp nhân, tổ chức kinh tế vay vốn bị phá sản, giải thể.	Như trên	Như trên	Như trên
14	2.001467	Thủ tục xử lý xóa nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng vay vốn, học sinh sinh viên hoặc người đi lao động tại nước ngoài vay vốn thông qua hộ gia đình là cá nhân hết thời gian khoan nợ (kể cả trường hợp khoan nợ bổ sung) vẫn không có khả năng trả nợ	Xử lý xóa nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng sau khi hết thời gian khoan nợ vẫn không có khả năng trả nợ.	Như trên	Như trên	Như trên
15	2.001460	Thủ tục xử lý xóa nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng vay vốn, học sinh sinh viên hoặc người đi lao động tại nước ngoài vay vốn thông qua hộ gia đình là cá nhân có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn không nơi nương tựa	Xử lý xóa nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan đối với các khoản nợ nhận bàn giao từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Công thương Việt Nam và Kho bạc Nhà nước.	Như trên	Như trên	Như trên

Phần B
NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÂN HÀNG
CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

1. Xử lý gia hạn nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng là cá nhân, hộ gia đình, tổ chức kinh tế.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Khách hàng làm Đơn đề nghị xử lý nợ (*mẫu số 01/XLN*).

Bước 2. NHCSXH nơi thực hiện thủ tục

- Kiểm tra tính chính xác, hợp lệ, hợp pháp các giấy tờ do khách hàng gửi đảm bảo đúng thực tế của hồ sơ;

- Phối hợp với khách hàng, cá nhân, tổ chức có liên quan tiến hành thẩm tra, lập Biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro (*mẫu số 02/XLN*);

- Tổng hợp hồ sơ pháp lý và lập biểu tổng hợp đề nghị gia hạn nợ trình Giám đốc NHCSXH nơi thực hiện thủ tục xem xét, quyết định.

- Thông báo kết quả gia hạn nợ.

b) Cách thức thực hiện: Khách hàng gửi hồ sơ đến NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

c) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị xử lý nợ (*mẫu số 01/XLN*): 01 bản chính;

- Biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro (*mẫu số 02/XLN*): 01 bản chính;

- Giấy nhận nợ (Hợp đồng vay vốn/sổ vay vốn hoặc các giấy tờ nhận nợ khác): 01 bản sao (*NHCSXH nơi cho vay ký sao y, đóng dấu*); Thẻ theo dõi giao dịch tiền vay (*mẫu 01/TL*);

- Trường hợp khách hàng là Tổ chức kinh tế thì bổ sung:

+ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực báo cáo tài chính 02 năm gần nhất: 02 bản;

+ Bản chính phương án phục hồi sản xuất – kinh doanh: 02 bản.

d) Số bộ hồ sơ: 01 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc kể từ ngày Giám đốc NHCSXH nơi thực hiện thủ tục phê duyệt, NHCSXH nơi thực hiện thủ tục thông báo kết quả gia hạn nợ gửi UBND cấp xã để thông báo cho khách hàng được biết.

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, hộ gia đình, Tổ chức kinh tế.

g) Cơ quan thực hiện thủ tục: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

- Cơ quan phối hợp: UBND cấp xã; Ban quản lý Tổ TK&VV (Chủ Dự án); Tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác cấp xã; Tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có).

h) Kết quả thực hiện: Giám đốc NHCSXH nơi thực hiện thủ tục (*được ủy quyền*) ký Quyết định gia hạn nợ.

i) Mức phí, tên phí: Không.

k) Mẫu đơn, tờ khai: Đơn đề nghị xử lý nợ (*mẫu số 01/XLN*).

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

- Khách hàng vay vốn sử dụng đúng mục đích ghi trong Hợp đồng tín dụng;
- Khách hàng bị thiệt hại do thiên tai; dịch họa, hỏa hoạn; các dịch bệnh liên quan tới vật nuôi, cây trồng;

- Nhà nước thay đổi chính sách làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của khách hàng: không còn nguồn cung cấp nguyên vật liệu; mặt hàng sản xuất, kinh doanh bị cấm, bị hạn chế theo quy định của pháp luật; khách hàng phải thực hiện việc chuyển đổi sản xuất, kinh doanh theo quyết định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Mức thiệt hại về vốn, tài sản dưới 40%.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục:

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/07/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội;

- Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg ngày 11/03/2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/07/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

- Quyết định số 62/QĐ-HĐQT ngày 27/09/2021 của Hội đồng quản trị NHCSXH ban hành Quy định xử lý nợ rủi ro trong hệ thống NHCSXH. *m*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ NỢ

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

Tên tôi là:^(a)

Hiện cư trú tại:

Là thành viên của Tổ TK&VV (Dự án) do

ông (bà):^(b) làm Tổ trưởng (Chủ Dự án)

Tôi làm đơn này xin trình bày với Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) và các cơ quan chức năng nội dung sau:

1. Theo HĐTD (sổ Vay vốn) số....., ngày...../...../..... tôi/tổ chức kinh tế (TCKT) có đứng tên vay vốn chương trình tại NHCSXH.....

Số tiền vayđồng; Thời điểm nhận tiền vay.....; Hạn trả nợ:..... ; Mục đích vay vốn

Hiện nay, tôi còn nợ Ngân hàng số tiền: đồng (Trong đó: Nợ gốc: đồng; Nợ lãi:đồng).

2. Trong thời gian vừa qua do:^(c)

3. Số vốn, tài sản của dự án, phương án vay vốn bị thiệt hại như sau: ^(d)

- Số vốn và tài sản bị thiệt hạiđồng.

(Ghi rõ tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại):

- Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn).....đồng.

- Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản.....%.

4. Tình hình kinh tế, khả năng trả nợ Ngân hàng hiện nay của cá nhân (TCKT) và các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn sau khi gặp rủi ro: ^(đ)

Vậy tôi làm đơn này đề nghị NHCSXH và các cơ quan chức năng xem xét ^(e) số nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan của tôi (TCKT), cụ thể:

- Số tiền đề nghị làđồng

(Trong đó: Nợ gốc:..... đồng; Nợ lãi:đồng)

- Thời gian đề nghị tháng

- Kế hoạch trả nợ:^(f)/...../..... số tiềnđồng

...../...../..... số tiền đồng

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai trên đơn và các hồ sơ giấy tờ chứng minh là đúng.

Ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký ghi rõ họ tên, hoặc điểm chỉ;

Đóng dấu (nếu là tổ chức kinh tế))

Một số lưu ý khi lập mẫu số 01/XLN:

(a) Trường hợp người làm đơn không phải là người đứng tên vốn: phải ghi rõ mối quan hệ về nghĩa vụ, trách nhiệm liên quan theo quy định của người làm đơn với người đứng tên vay vốn.

(b) Ghi rõ tên tổ trưởng tổ TK&VV, chủ dự án, người đại diện hợp pháp của TCKT.

(c) Ghi cụ thể nguyên nhân khách quan dẫn đến rủi ro, nguyên nhân dẫn đến không có khả năng trả nợ/thu hồi nợ.

- Đối với trường hợp khách hàng bị rủi ro do các nguyên nhân khách quan quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm c khoản 4 Điều 5 ngoài việc phải ghi rõ nguyên nhân xảy ra rủi ro phải ghi rõ thời điểm xảy ra rủi ro.

- Đối với khoản nợ bỏ sung và xóa nợ với nguyên nhân hết hạn khoan chưa hoặc không có khả năng trả nợ ghi cụ thể thời gian các lần được khoan nợ.

(d) Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản được xác định theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 7, riêng đối với trường hợp xóa nợ:

- Tại gạch đầu dòng thứ nhất mục 3 ghi: “không còn tài sản để trả nợ”.
Phần tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại: bỏ trống

- Tại gạch đầu dòng thứ hai mục 3 ghi: “Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn) theo hồ sơ vay vốn”.

- Tại gạch đầu dòng thứ ba mục 3 ghi: “không còn tài sản, phương án, dự án vay vốn”.

(đ) Nêu cụ thể thực trạng và khả năng trả nợ (nêu rõ chưa có khả năng trả nợ hay không có khả năng trả nợ theo từng biện pháp xử lý) của khách hàng và các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn.

(e) Ghi rõ biện pháp đề nghị xử lý nợ (gia hạn nợ, khoan nợ, xóa nợ).

(f) Việc lập kế hoạch trả nợ chỉ áp dụng đối với trường hợp khách hàng đề nghị gia hạn nợ.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Đề nghị xử lý nợ bị rủi ro

(Chương trình)

Hôm nay, ngày tháng..... năm, tại.....
chúng tôi gồm có:

1. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
2. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
3. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
4. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
5. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
6. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
7. Ông (bà).....là khách hàng vay vốn.

Đã tiến hành thẩm tra và lập biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro của ông (bà):.....địa chỉ.....

là đại diện hộ gia đình (khách hàng, tổ chức kinh tế) vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) theo HĐTD (Số Vay vốn) số.....ngày...../...../....., có mã món vay.....Cụ thể như sau:

I. Nguyên nhân khách hàng bị rủi ro: ^(a)

II. Xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản: ^(t) ...

1. Số vốn và tài sản bị thiệt hạiđồng.

(Ghi rõ tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại):

2. Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn)đồng.

3. Đánh giá mức độ thiệt hại về vốn và tài sản%.

III. Dư nợ tại NHCSXH đến ngày lập biên bản:

Tổng số nợ còn phải trả ngân hàng đến ngày lập biên bản..... đồng.

Trong đó: + Nợ gốc đồng.

+ Nợ lãi đồng.

IV. Đánh giá thực trạng dự án, phương án vay vốn, tài sản và khả năng trả nợ của khách hàng sau khi bị thiệt hại:

1. Đánh giá thực trạng dự án, phương án vay vốn; phương án khôi phục dự án vay vốn:

2. Tài sản hiện tại của khách hàng: ^(c)

3. Đánh giá tình trạng khả năng trả nợ của khách hàng và tất cả các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn: ^(d)

PH

4. Về việc áp dụng mọi biện pháp thu hồi nợ: ^(đ)

V. Đề xuất biện pháp xử lý:

Căn cứ vào quy chế xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan tại NHCSXH, thẩm tra tình hình thực tế của khách hàng và các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn, chúng tôi nhất trí xác nhận các nội dung trên là đúng và thống nhất đề nghị NHCSXH, các cơ quan có thẩm quyền xem xét ^(e)cho ông (bà).....với thời gian.....tháng, số tiền.....đồng.

Trong đó: + Nợ gốc đồng.

+ Nợ lãi đồng.

Biên bản này lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau và được các thành viên thống nhất thông qua ký tên dưới đây.

Đại diện khách hàng vay vốn
(Ký ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ, đóng
dấu nếu là đại diện pháp nhân) ^(f)

Tổ trưởng Tổ TK&VV
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ tín dụng
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Đại diện UBND cấp xã
(Xác nhận, ký tên, đóng dấu) ^(g)

**Đại diện tổ chức Hội đoàn
thể nhận ủy thác**
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện NHCSXH
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện cơ quan công an cấp xã
(Xác nhận, ký tên, đóng dấu) ^(h)

Đại diện tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có)
(Xác nhận, ký tên, đóng dấu) ⁽ⁱ⁾

Một số lưu ý khi lập mẫu số 02/XLN:

(a) Ghi cụ thể nguyên nhân khách quan dẫn đến rủi ro, nguyên nhân dẫn đến không có khả năng trả nợ/thu hồi nợ.

- Đối với trường hợp khách hàng bị rủi ro do các nguyên nhân khách quan quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm c khoản 4 Điều 5 ngoài việc phải ghi rõ nguyên nhân xảy ra rủi ro phải ghi rõ thời điểm xảy ra rủi ro.

- Đối với khoản nợ bỏ sung và xóa nợ với nguyên nhân hết hạn khoản chưa hoặc không có khả năng trả nợ ghi cụ thể thời gian các lần được khoan nợ.

(b) Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản được xác định theo Quy định tại điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 7, riêng đối với trường hợp xóa nợ:

- Mục 1 ghi: “không còn tài sản để trả nợ”. Phần tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại: bỏ trống.

- Mục 2 ghi: “Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn) theo hồ sơ vay vốn”.

- Mục 3 ghi: “Không còn tài sản, phương án, dự án vay vốn”.

(c) Thực hiện đối với trường hợp xóa nợ: đánh giá tài sản hiện tại của khách hàng có tham chiếu với tài sản ghi trên hợp đồng vay vốn. Nếu nguyên nhân dẫn đến tình trạng không còn tài sản hoặc còn tài sản nhưng không thu hồi được. Đối với các khoản nợ bị chiếm dụng phải đánh giá tài sản của người chiếm dụng.

(c) Đối với các khoản nợ bị chiếm dụng (nếu có) thì đánh giá khả năng trả nợ, tình trạng của người chiếm dụng.

(đ) Đối với trường hợp xóa nợ: phải ghi rõ nội dung NHCSXH nơi cho vay và các tổ chức, cá nhân có liên quan xác nhận đã áp dụng mọi biện pháp thu hồi nợ nhưng không thu hồi được.

(e) Ghi rõ biện pháp đề nghị xử lý nợ (gia hạn nợ, khoan nợ, xóa nợ).

(f) Trường hợp khách hàng vay vốn không phải làm đơn đề nghị xử lý nợ theo quy định tại điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 8 phải ghi cụ thể nguyên nhân khách hàng không phải làm đơn. (VD: khách hàng chết, không còn các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn...).

(g) Ủy ban Nhân dân cấp xã xác nhận trong những trường hợp theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Quy định.

(h) Công an cấp xã xác nhận trong những trường hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Quy định.

(i) Ghi rõ tên cơ quan ký, xác nhận nội dung.

2. Xử lý khoản nợ bị rủi ro tối đa 03 năm do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng bị rủi ro do thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, Nhà nước thay đổi chính sách làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của khách hàng.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Khách hàng làm Đơn đề nghị xử lý nợ (mẫu số 01/XLN).

Bước 2. NHCSXH nơi thực hiện thủ tục

- Kiểm tra tính chính xác, hợp lệ, hợp pháp các giấy tờ do khách hàng gửi đảm bảo đúng thực tế của hồ sơ;

- Phối hợp với khách hàng, cá nhân, tổ chức có liên quan tiến hành thẩm tra, lập Biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro (mẫu số 02/XLN);

- Tổng hợp hồ sơ pháp lý và lập biểu tổng hợp đề nghị khoan nợ gửi NHCSXH cấp tỉnh.

Bước 3. NHCSXH cấp tỉnh, thẩm định, kiểm tra, kiểm soát hồ sơ pháp lý do Ngân hàng nơi cho vay trình, tổng hợp các khoản đề nghị khoan nợ của chi nhánh gửi Hội sở chính để kiểm tra. Tại Hội sở chính lập biểu tổng hợp trình Hội đồng quản trị NHCSXH xem xét, quyết định.

b) Cách thức thực hiện: Khách hàng gửi hồ sơ đến NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

c) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị xử lý nợ (mẫu số 01/XLN): 02 bản chính;

- Biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro (mẫu số 02/XLN): 02 bản chính;

- Giấy nhận nợ (Hợp đồng vay vốn/sổ vay vốn hoặc các giấy tờ nhận nợ khác): 02 bản sao (NHCSXH nơi cho vay ký sao y, đóng dấu); Thẻ theo dõi giao dịch tiền vay (mẫu 01/TL);

- Trường hợp khách hàng là Tổ chức kinh tế thì bổ sung:

+ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực báo cáo tài chính 02 năm gần nhất: 02 bản;

+ Bản chính phương án phục hồi sản xuất – kinh doanh: 02 bản.

d) Số bộ hồ sơ: 02 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Tổng Giám đốc NHCSXH và báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị cho ý kiến đề tổng hợp trình Chủ tịch xem xét, quyết định).

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, hộ gia đình, Tổ chức kinh tế.

g) Cơ quan thực hiện thủ tục: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hội đồng quản trị NHCSXH.

- Cơ quan phối hợp: UBND xã; Tổ TK&VV (hoặc Chủ dự án); Tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác; Tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có).

h) Kết quả thực hiện: Chủ tịch Hội đồng quản trị NHCSXH thay mặt Hội đồng quản trị NHCSXH ký Quyết định khoan nợ.

i) Mức phí, tên phí: Không.

k) Mẫu đơn, tờ khai: Đơn đề nghị xử lý nợ (mẫu số 01/XLN).

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

- Khách hàng vay vốn sử dụng đúng mục đích ghi trong Hợp đồng tín dụng;
- Khách hàng bị rủi ro do: thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn; các dịch bệnh liên quan tới vật nuôi, cây trồng;

- Nhà nước thay đổi chính sách làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của khách hàng: không còn nguồn cung cấp nguyên vật liệu; mặt hàng sản xuất, kinh doanh bị cấm, bị hạn chế theo quy định của pháp luật; khách hàng phải thực hiện việc chuyển đổi sản xuất, kinh doanh theo quyết định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Mức thiệt hại về vốn, tài sản từ 40% đến dưới 80%.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục:

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH;

- Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg ngày 11/03/2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/07/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

- Quyết định số 62/QĐ-HĐQT ngày 27/09/2021 của Hội đồng quản trị NHCSXH ban hành Quy định xử lý nợ rủi ro trong hệ thống NHCSXH. *M*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ NỢ

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

Tên tôi là:^(a)

Hiện cư trú tại:

Là thành viên của Tổ TK&VV (Dự án) do

ông (bà):^(b) làm Tổ trưởng (Chủ Dự án)

Tôi làm đơn này xin trình bày với Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) và các cơ quan chức năng nội dung sau:

1. Theo HĐTD (sổ Vay vốn) số....., ngày...../...../..... tôi/tổ chức kinh tế (TCKT) có đứng tên vay vốn chương trình tại NHCSXH.....

Số tiền vayđồng; Thời điểm nhận tiền vay.....; Hạn trả nợ:..... ; Mục đích vay vốn

Hiện nay, tôi còn nợ Ngân hàng số tiền: đồng (Trong đó: Nợ gốc: đồng; Nợ lãi:đồng).

2. Trong thời gian vừa qua do:^(c)

3. Số vốn, tài sản của dự án, phương án vay vốn bị thiệt hại như sau: ^(d)

- Số vốn và tài sản bị thiệt hạiđồng.

(Ghi rõ tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại):

- Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn).....đồng.

- Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản.....%.

4. Tình hình kinh tế, khả năng trả nợ Ngân hàng hiện nay của cá nhân (TCKT) và các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn sau khi gặp rủi ro: ^(d)

Vậy tôi làm đơn này đề nghị NHCSXH và các cơ quan chức năng xem xét ^(e)..... số nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan của tôi (TCKT), cụ thể:

- Số tiền đề nghị làđồng

(Trong đó: Nợ gốc:..... đồng; Nợ lãi:đồng)

- Thời gian đề nghị tháng

- Kế hoạch trả nợ:^(f)/...../..... số tiềnđồng

...../...../..... số tiền đồng

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai trên đơn và các hồ sơ giấy tờ chứng minh là đúng,^W

Ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký ghi rõ họ tên, hoặc điểm chỉ;
Đóng dấu (nếu là tổ chức kinh tế))

Một số lưu ý khi lập mẫu số 01/XLN:

(a) Trường hợp người làm đơn không phải là người đứng tên vốn: phải ghi rõ mối quan hệ về nghĩa vụ, trách nhiệm liên quan theo quy định của người làm đơn với người đứng tên vay vốn.

(b) Ghi rõ tên tổ trưởng tổ TK&VV, chủ dự án, người đại diện hợp pháp của TCKT.

(c) Ghi cụ thể nguyên nhân khách quan dẫn đến rủi ro, nguyên nhân dẫn đến không có khả năng trả nợ/thu hồi nợ.

- Đối với trường hợp khách hàng bị rủi ro do các nguyên nhân khách quan quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm c khoản 4 Điều 5 ngoài việc phải ghi rõ nguyên nhân xảy ra rủi ro phải ghi rõ thời điểm xảy ra rủi ro.

- Đối với khoản nợ bỏ sung và xóa nợ với nguyên nhân hết hạn khoan chưa hoặc không có khả năng trả nợ ghi cụ thể thời gian các lần được khoan nợ.

(d) Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản được xác định theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 7, riêng đối với trường hợp xóa nợ:

- Tại gạch đầu dòng thứ nhất mục 3 ghi: “không còn tài sản để trả nợ”.
Phần tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại: bỏ trống

- Tại gạch đầu dòng thứ hai mục 3 ghi: “Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn) theo hồ sơ vay vốn”.

- Tại gạch đầu dòng thứ ba mục 3 ghi: “không còn tài sản, phương án, dự án va, vốn”.

(đ) Nêu cụ thể thực trạng và khả năng trả nợ (nêu rõ chưa có khả năng trả nợ hay không có khả năng trả nợ theo từng biện pháp xử lý) của khách hàng và các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn.

(e) Ghi rõ biện pháp đề nghị xử lý nợ (gia hạn nợ, khoan nợ, xóa nợ).

(f) Việc lập kế hoạch trả nợ chỉ áp dụng đối với trường hợp khách hàng đề nghị gia hạn nợ. *m/*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Đề nghị xử lý nợ bị rủi ro

(Chương trình)

Hôm nay, ngày tháng..... năm, tại.....
chúng tôi gồm có:

1. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
2. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
3. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
4. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
5. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
6. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
7. Ông (bà).....là khách hàng vay vốn.

Đã tiến hành thẩm tra và lập biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro của ông (bà):.....địa chỉ.....

là đại diện hộ gia đình (khách hàng, tổ chức kinh tế) vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) theo HĐTD (Số Vay vốn) số.....ngày...../...../....., có mã món vay.....Cụ thể như sau:

I. Nguyên nhân khách hàng bị rủi ro: ^(a)

II. Xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản: ^(b)

1. Số vốn và tài sản bị thiệt hạiđồng.
(Ghi rõ tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại):
2. Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn)đồng.
3. Đánh giá mức độ thiệt hại về vốn và tài sản%.

III. Dư nợ tại NHCSXH đến ngày lập biên bản:

Tổng số nợ còn phải trả ngân hàng đến ngày lập biên bản..... đồng.

Trong đó: + Nợ gốc đồng.

+ Nợ lãi đồng.

IV. Đánh giá thực trạng dự án, phương án vay vốn, tài sản và khả năng trả nợ của khách hàng sau khi bị thiệt hại:

1. Đánh giá thực trạng dự án, phương án vay vốn; phương án khôi phục dự án vay vốn:

2. Tài sản hiện tại của khách hàng: ^(c)

3. Đánh giá tình trạng khả năng trả nợ của khách hàng và tất cả các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn: ^(d)

aw

4. Về việc áp dụng mọi biện pháp thu hồi nợ: ^(d)

V. Đề xuất biện pháp xử lý:

Căn cứ vào quy chế xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan tại NHCSXH, thẩm tra tình hình thực tế của khách hàng và các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn, chúng tôi nhất trí xác nhận các nội dung trên là đúng và thống nhất đề nghị NHCSXH, các cơ quan có thẩm quyền xem xét ^(e)cho ông (bà).....với thời gian.....tháng, số tiền.....đồng.

Trong đó: + Nợ gốc đồng.

+ Nợ lãi đồng.

Biên bản này lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau và được các thành viên thống nhất thông qua ký tên dưới đây.

Đại diện khách hàng vay vốn
(Ký ghi rõ họ tên hoặc điền chỉ, đóng dấu nếu là đại diện pháp nhân) ^(f)

Tổ trưởng Tổ TK&VV
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ tín dụng
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Đại diện UBND cấp xã
(Xác nhận, ký tên, đóng dấu) ^(g)

**Đại diện tổ chức Hội đoàn
thể nhận uỷ thác**
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện NHCSXH
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện cơ quan công an cấp xã
(Xác nhận, ký tên, đóng dấu) ^(h)

Đại diện tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có)
(Xác nhận, ký tên, đóng dấu) ⁽ⁱ⁾

Một số lưu ý khi lập mẫu số 02/XLN:

(a) Ghi cụ thể nguyên nhân khách quan dẫn đến rủi ro, nguyên nhân dẫn đến không có khả năng trả nợ/thu hồi nợ.

- Đối với trường hợp khách hàng bị rủi ro do các nguyên nhân khách quan quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm c khoản 4 Điều 5 ngoài việc phải ghi rõ nguyên nhân xảy ra rủi ro phải ghi rõ thời điểm xảy ra rủi ro.

- Đối với khoản nợ bỏ sung và xóa nợ với nguyên nhân hết hạn khoan chưa hoặc không có khả năng trả nợ ghi cụ thể thời gian các lần được khoan nợ.

(b) Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản được xác định theo Quy định tại điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 7, riêng đối với trường hợp xóa nợ:

- Mục 1 ghi: “không còn tài sản để trả nợ”. Phần tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại: bỏ trống.

- Mục 2 ghi: “Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn) theo hồ sơ vay vốn”.

- Mục 3 ghi: “Không còn tài sản, phương án, dự án vay vốn”.

(c) Thực hiện đối với trường hợp xóa nợ: đánh giá tài sản hiện tại của khách hàng có tham chiếu với tài sản ghi trên hợp đồng vay vốn. Nêu nguyên nhân dẫn đến tình trạng không còn tài sản hoặc còn tài sản nhưng không thu hồi được. Đối với các khoản nợ bị chiếm dụng phải đánh giá tài sản của người chiếm dụng.

(d) Đối với các khoản nợ bị chiếm dụng (nếu có) thì đánh giá khả năng trả nợ, tình trạng của người chiếm dụng.

(đ) Đối với trường hợp xóa nợ: phải ghi rõ nội dung NHCSXH nơi cho vay và các tổ chức, cá nhân có liên quan xác nhận đã áp dụng mọi biện pháp thu hồi nợ nhưng không thu hồi được.

(e) Ghi rõ biện pháp đề nghị xử lý nợ (gia hạn nợ, khoan nợ, xóa nợ).

(f) Trường hợp khách hàng vay vốn không phải làm đơn đề nghị xử lý nợ theo quy định tại điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 8 phải ghi cụ thể nguyên nhân khách hàng không phải làm đơn. (VD: khách hàng chết, không còn các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn...).

(g) Ủy ban Nhân dân cấp xã xác nhận trong những trường hợp theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Quy định.

(h) Công an cấp xã xác nhận trong những trường hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Quy định.

(i) Ghi rõ tên cơ quan ký, xác nhận nội dung.

3. Xử lý khoản nợ bị rủi ro tối đa 03 năm do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng là người đi lao động ở nước ngoài phải về nước trước hạn.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Khách hàng làm Đơn đề nghị xử lý nợ (*mẫu số 01/XLN*).

Bước 2. NHCSXH nơi thực hiện thủ tục

- Kiểm tra tính chính xác, hợp lệ, hợp pháp các giấy tờ do khách hàng gửi đảm bảo đúng thực tế của hồ sơ;

- Phối hợp với khách hàng, cá nhân, tổ chức có liên quan tiến hành thẩm tra, lập Biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro (*mẫu số 02/XLN*);

- Tổng hợp hồ sơ pháp lý và lập biểu tổng hợp đề nghị khoan nợ gửi NHCSXH cấp tỉnh.

Bước 3. NHCSXH cấp tỉnh, thẩm định, kiểm tra, kiểm soát hồ sơ pháp lý do Ngân hàng nơi cho vay trình, tổng hợp các khoản đề nghị khoan nợ của chi nhánh gửi Hội sở chính để kiểm tra. Tại Hội sở chính lập biểu tổng hợp trình Hội đồng quản trị NHCSXH xem xét, quyết định.

b) Cách thức thực hiện: Khách hàng gửi hồ sơ đến NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

c) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị xử lý nợ (*mẫu số 01/XLN*): 02 bản chính;

- Biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro (*mẫu số 02/XLN*): 02 bản chính;

- Giấy nhận nợ (Hợp đồng vay vốn/sổ vay vốn hoặc các giấy tờ nhận nợ khác): 02 bản sao (*NHCSXH nơi cho vay ký sao y, đóng dấu*); Thẻ theo dõi giao dịch tiền vay (*mẫu 01/TL*);

- Biên bản thanh lý hợp đồng với người lao động hoặc thông báo chấm dứt hợp đồng lao động của chủ sử dụng lao động hoặc thông báo danh sách của Cơ quan lao động thương binh và xã hội cấp huyện tại địa phương về việc người lao động tại nước ngoài về nước trước hạn đối với trường hợp người đi lao động ở nước ngoài về nước trước hạn. Trường hợp các giấy tờ trên không nêu nguyên nhân người lao động về nước trước hạn thì phải có bản sao có chứng thực xác nhận của Cơ quan lao động thương binh và xã hội cấp huyện tại địa phương về nội dung này: 02 bản.

d) Số bộ hồ sơ: 02 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Tổng Giám đốc NHCSXH và báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị cho ý kiến để tổng hợp trình Chủ tịch xem xét, quyết định).

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, hộ gia đình.

g) Cơ quan thực hiện thủ tục: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hội đồng quản trị NHCSXH

- Cơ quan phối hợp: UBND xã; Phòng Lao động Thương binh và Xã hội; Tổ TK&VV (hoặc Chủ dự án); Tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác; Tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có).

h) Kết quả thực hiện: Chủ tịch Hội đồng quản trị NHCSXH thay mặt Hội đồng quản trị NHCSXH ký Quyết định khoan nợ.

i) Mức phí, tên phí: Không.

k) Mẫu đơn, tờ khai: Đơn đề nghị xử lý nợ (*mẫu số 01/XLN*).

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

- Khách hàng vay vốn sử dụng đúng mục đích ghi trong Hợp đồng tín dụng;

- Khách hàng là người đi lao động ở nước ngoài phải về nước trước hạn do: Biến động chính trị, kinh tế - xã hội, dịch bệnh ở nước nhận lao động của Việt Nam làm ảnh hưởng đến người lao động đi làm việc có thời hạn tại nước ngoài; doanh nghiệp tiếp nhận lao động bị phá sản, giải thể; doanh nghiệp tiếp nhận lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động do người lao động không đủ sức khỏe để làm việc hoặc không đảm bảo tay nghề hoặc do các nguyên nhân khách quan khác mà không do lỗi của người lao động.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục:

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH;

- Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg ngày 11/03/2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/07/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

- Quyết định số 62/QĐ-HĐQT ngày 27/09/2021 của Hội đồng quản trị NHCSXH ban hành Quy định xử lý nợ rủi ro trong hệ thống NHCSXH. *m*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ NỢ

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

Tên tôi là:^(a)

Hiện cư trú tại:

Là thành viên của Tổ TK&VV (Dự án) do

ông (bà):^(b) làm Tổ trưởng (Chủ Dự án)

Tôi làm đơn này xin trình bày với Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) và các cơ quan chức năng nội dung sau:

1. Theo HĐTD (sổ Vay vốn) số....., ngày...../...../..... tôi/tổ chức kinh tế (TCKT) có đứng tên vay vốn chương trình tại NHCSXH.....

Số tiền vayđồng; Thời điểm nhận tiền vay.....; Hạn trả nợ:..... ; Mục đích vay vốn

Hiện nay, tôi còn nợ Ngân hàng số tiền: đồng (Trong đó: Nợ gốc: đồng; Nợ lãi:đồng).

2. Trong thời gian vừa qua do:^(c)

3. Số vốn, tài sản của dự án, phương án vay vốn bị thiệt hại như sau: ^(d)

- Số vốn và tài sản bị thiệt hạiđồng.

(Chỉ rõ tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại):

- Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn).....đồng.

- Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản.....%.

4. Tình hình kinh tế, khả năng trả nợ Ngân hàng hiện nay của cá nhân (TCKT) và các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn sau khi gặp rủi ro: ^(đ)

Vậy tôi làm đơn này đề nghị NHCSXH và các cơ quan chức năng xem xét ^(e) số nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan của tôi (TCKT), cụ thể:

- Số tiền đề nghị làđồng

(Trong đó: Nợ gốc:..... đồng; Nợ lãi:đồng)

- Thời gian đề nghị tháng

- Kế hoạch trả nợ:^(f)/...../..... số tiềnđồng

...../...../..... số tiền đồng

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai trên đơn và các hồ sơ giấy tờ chứng minh là đúng.

Ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký ghi rõ họ tên, hoặc điểm chỉ;
Đóng dấu (nếu là tổ chức kinh tế))

Một số lưu ý khi lập mẫu số 01/XLN:

(a) Trường hợp người làm đơn không phải là người đứng tên vốn: phải ghi rõ mối quan hệ về nghĩa vụ, trách nhiệm liên quan theo quy định của người làm đơn với người đứng tên vay vốn.

(b) Ghi rõ tên tổ trưởng tổ TK&VV, chủ dự án, người đại diện hợp pháp của TCKT.

(c) Ghi cụ thể nguyên nhân khách quan dẫn đến rủi ro, nguyên nhân dẫn đến không có khả năng trả nợ/thu hồi nợ.

- Đối với trường hợp khách hàng bị rủi ro do các nguyên nhân khách quan quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm c khoản 4 Điều 5 ngoài việc phải ghi rõ nguyên nhân xảy ra rủi ro phải ghi rõ thời điểm xảy ra rủi ro.

- Đối với khoản nợ bổ sung và xóa nợ với nguyên nhân hết hạn khoan chưa hoặc không có khả năng trả nợ ghi cụ thể thời gian các lần được khoan nợ.

(d) Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản được xác định theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 7, riêng đối với trường hợp xóa nợ:

- Tại gạch đầu dòng thứ nhất mục 3 ghi: “không còn tài sản để trả nợ”.
Phân tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại: bỏ trống

- Tại gạch đầu dòng thứ hai mục 3 ghi: “Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn) theo hồ sơ vay vốn”.

- Tại gạch đầu dòng thứ ba mục 3 ghi: “không còn tài sản, phương án, dự án vay vốn”.

(đ) Nêu cụ thể thực trạng và khả năng trả nợ (nêu rõ chưa có khả năng trả nợ hay không có khả năng trả nợ theo từng biện pháp xử lý) của khách hàng và các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn.

(e) Ghi rõ biện pháp đề nghị xử lý nợ (gia hạn nợ, khoan nợ, xóa nợ).

(f) Việc lập kế hoạch trả nợ chỉ áp dụng đối với trường hợp khách hàng đề nghị gia hạn nợ.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Đề nghị xử lý nợ bị rủi ro

(Chương trình)

Hôm nay, ngày tháng..... năm, tại.....
chúng tôi gồm có:

1. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
2. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
3. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
4. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
5. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
6. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
7. Ông (bà).....là khách hàng vay vốn.

Đã tiến hành thẩm tra và lập biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro của ông (bà):.....địa chỉ.....

là đại diện hộ gia đình (khách hàng, tổ chức kinh tế) vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) theo HĐTD (Sổ Vay vốn) số.....ngày...../...../....., có mã món vay.....Cụ thể như sau:

I. Nguyên nhân khách hàng bị rủi ro: ^(a)

II. Xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản: ^(b)

1. Số vốn và tài sản bị thiệt hạiđồng.
(Ghi rõ tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại):
2. Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn)đồng.
3. Đánh giá mức độ thiệt hại về vốn và tài sản%.

III. Dư nợ tại NHCSXH đến ngày lập biên bản:

Tổng số nợ còn phải trả ngân hàng đến ngày lập biên bản..... đồng.

Trong đó: + Nợ gốc đồng.

+ Nợ lãi đồng.

IV. Đánh giá thực trạng dự án, phương án vay vốn, tài sản và khả năng trả nợ của khách hàng sau khi bị thiệt hại:

1. Đánh giá thực trạng dự án, phương án vay vốn; phương án khôi phục dự án vay vốn:

2. Tài sản hiện tại của khách hàng: ^(c)

3. Đánh giá tình trạng khả năng trả nợ của khách hàng và tất cả các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn: ^(d)

4. Về việc áp dụng mọi biện pháp thu hồi nợ: ^(d).....

V. Đề xuất biện pháp xử lý:

Căn cứ vào quy chế xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan tại NHCSXH, thẩm tra tình hình thực tế của khách hàng và các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn, chúng tôi nhất trí xác nhận các nội dung trên là đúng và thống nhất đề nghị NHCSXH, các cơ quan có thẩm quyền xem xét ^(e)cho ông (bà).....với thời gian.....tháng, số tiền.....đồng.

Trong đó: + Nợ gốc đồng.

+ Nợ lãi đồng.

Biên bản này lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau và được các thành viên thống nhất thông qua ký tên dưới đây.

Đại diện khách hàng vay vốn
(Ký ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ, đóng dấu nếu là đại diện pháp nhân) ^(f)

Tổ trưởng Tổ TK&VV
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ tín dụng
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Đại diện UBND cấp xã
(Xác nhận, ký tên, đóng dấu) ^(g)

**Đại diện tổ chức Hội đoàn
thể nhận ủy thác**
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện NHCSXH
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện cơ quan công an cấp xã
(Xác nhận, ký tên, đóng dấu) ^(h)

Đại diện tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có)
(Xác nhận, ký tên, đóng dấu) ⁽ⁱ⁾

Một số lưu ý khi lập mẫu số 02/XLN:

(a) Ghi cụ thể nguyên nhân khách quan dẫn đến rủi ro, nguyên nhân dẫn đến không có khả năng trả nợ/thu hồi nợ.

- Đối với trường hợp khách hàng bị rủi ro do các nguyên nhân khách quan quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm c khoản 4 Điều 5 ngoài việc phải ghi rõ nguyên nhân xảy ra rủi ro phải ghi rõ thời điểm xảy ra rủi ro.

- Đối với khoản nợ bổ sung và xóa nợ với nguyên nhân hết hạn khoản chưa hoặc không có khả năng trả nợ ghi cụ thể thời gian các lần được khoản nợ.

(b) Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản được xác định theo Quy định tại điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 7, riêng đối với trường hợp xóa nợ:

- Mục 1 ghi: “không còn tài sản để trả nợ”. Phân tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại: bỏ trống.

- Mục 2 ghi: “Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn) theo hồ sơ vay vốn”.

- Mục 3 ghi: “Không còn tài sản, phương án, dự án vay vốn”.

(c) Thực hiện đối với trường hợp xóa nợ: đánh giá tài sản hiện tại của khách hàng có tham chiếu với tài sản ghi trên hợp đồng vay vốn. Nếu nguyên nhân dẫn đến tình trạng không còn tài sản hoặc còn tài sản nhưng không thu hồi được. Đối với các khoản nợ bị chiếm dụng phải đánh giá tài sản của người chiếm dụng.

(d) Đối với các khoản nợ bị chiếm dụng (nếu có) thì đánh giá khả năng trả nợ, tình trạng của người chiếm dụng.

(đ) Đối với trường hợp xóa nợ: phải ghi rõ nội dung NHCSXH nơi cho vay và các tổ chức, cá nhân có liên quan xác nhận đã áp dụng mọi biện pháp thu hồi nợ nhưng không thu hồi được.

(e) Ghi rõ biện pháp đề nghị xử lý nợ (gia hạn nợ, khoan nợ, xóa nợ).

(f) Trường hợp khách hàng vay vốn không phải làm đơn đề nghị xử lý nợ theo quy định tại điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 8 phải ghi cụ thể nguyên nhân khách hàng không phải làm đơn. (VD: khách hàng chết, không còn các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn...).

(g) Ủy ban Nhân dân cấp xã xác nhận trong những trường hợp theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Quy định.

(h) Công an cấp xã xác nhận trong những trường hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Quy định.

(i) Ghi rõ tên cơ quan ký, xác nhận nội dung.

4. Xử lý khoản nợ bị rủi ro tối đa 03 năm do nguyên nhân khách quan đối với các khoản nợ phải thu hồi theo bản án, quyết định của Tòa án nhưng người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án theo thông báo của cơ quan thi hành án.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Khách hàng làm Đơn đề nghị xử lý nợ (*mẫu số 01/XLN*).

Bước 2. NHCSXH nơi thực hiện thủ tục

- Kiểm tra tính chính xác, hợp lệ, hợp pháp các giấy tờ do khách hàng gửi đảm bảo đúng thực tế của hồ sơ;

- Phối hợp với khách hàng, cá nhân, tổ chức có liên quan tiến hành thẩm tra, lập Biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro (*mẫu số 02/XLN*);

- Tổng hợp hồ sơ pháp lý và lập biểu tổng hợp đề nghị khoan nợ gửi NHCSXH cấp tỉnh.

Bước 3. NHCSXH cấp tỉnh, thẩm định, kiểm tra, kiểm soát hồ sơ pháp lý do Ngân hàng nơi cho vay trình, tổng hợp các khoản đề nghị khoan nợ của chi nhánh gửi Hội sở chính để kiểm tra. Tại Hội sở chính lập biểu tổng hợp trình Hội đồng quản trị NHCSXH xem xét, quyết định.

b) Cách thức thực hiện: Khách hàng gửi hồ sơ đến NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

c) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị xử lý nợ (*mẫu số 01/XLN*): 02 bản chính;

- Biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro (*mẫu số 02/XLN*): 02 bản chính;

- Giấy nhận nợ (Hợp đồng vay vốn/sổ vay vốn hoặc các giấy tờ nhận nợ khác): 02 bản sao (*NHCSXH nơi cho vay ký sao y, đóng dấu*); Thẻ theo dõi giao dịch tiền vay (*mẫu 01/TL*);

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực bản án hoặc Quyết định của Tòa án và văn bản thông báo của cơ quan thi hành án về việc thực hiện bản án đã tuyên, số tiền thu được, số tiền không còn khả năng thi hành án: 02 bản;

- Trường hợp khách hàng là Tổ chức kinh tế thì bổ sung:

+ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực báo cáo tài chính 02 năm gần nhất: 02 bản;

+ Bản chính phương án phục hồi sản xuất – kinh doanh: 02 bản.

d) Số bộ hồ sơ: 02 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Tổng Giám đốc NHCSXH và báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị cho ý kiến để tổng hợp trình Chủ tịch xem xét, quyết định).

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, hộ gia đình, Tổ chức kinh tế.

g) Cơ quan thực hiện thủ tục: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hội đồng quản trị NHCSXH.

- Cơ quan phối hợp: UBND xã; Công an xã; Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc Tòa án; Cơ quan thi hành án; Tổ TK&VV (hoặc Chủ dự án); Tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác; Tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có).

h) Kết quả thực hiện: Chủ tịch Hội đồng quản trị NHCSXH thay mặt Hội đồng quản trị NHCSXH ký Quyết định khoan nợ.

i) Mức phí, tên phí: Không.

k) Mẫu đơn, tờ khai: Đơn đề nghị xử lý nợ (mẫu số 01/XLN).

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

- Khách hàng vay vốn sử dụng đúng mục đích ghi trong Hợp đồng tín dụng;
- Khách hàng có khoản nợ phải thu hồi theo bản án, quyết định của tòa án nhưng chưa có điều kiện thi hành án theo thông báo của cơ quan thi hành án.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục:

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH;

- Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg ngày 11/03/2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/07/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

- Quyết định số 62/QĐ-HĐQT ngày 27/09/2021 của Hội đồng quản trị NHCSXH ban hành Quy định xử lý nợ rủi ro trong hệ thống NHCSXH. *ml*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ NỢ

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

Tên tôi là:^(a)

Hiện cư trú tại:

Là thành viên của Tổ TK&VV (Dự án) do ông (bà):^(b) làm Tổ trưởng (Chủ Dự án)

Tôi làm đơn này xin trình bày với Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) và các cơ quan chức năng nội dung sau:

1. Theo HĐTD (sổ Vay vốn) số....., ngày...../...../..... tôi/tổ chức kinh tế (TCKT) có đứng tên vay vốn chương trình tại NHCSXH.....

Số tiền vayđồng; Thời điểm nhận tiền vay.....; Hạn trả nợ:..... ; Mục đích vay vốn

Hiện nay, tôi còn nợ Ngân hàng số tiền: đồng (Trong đó: Nợ gốc: đồng; Nợ lãi:đồng).

2. Trong thời gian vừa qua do:^(c)

3. Số vốn, tài sản của dự án, phương án vay vốn bị thiệt hại như sau: ^(d)

- Số vốn và tài sản bị thiệt hạiđồng.

(Ghi rõ tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại):

- Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn).....đồng.

- Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản.....%.

4. Tình hình kinh tế, khả năng trả nợ Ngân hàng hiện nay của cá nhân (TCKT) và các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn sau khi gặp rủi ro: ^(d)

Vậy tôi làm đơn này đề nghị NHCSXH và các cơ quan chức năng xem xét ^(e) số nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan của tôi (TCKT), cụ thể:

- Số tiền đề nghị làđồng

(Trong đó: Nợ gốc:..... đồng; Nợ lãi:đồng)

- Thời gian đề nghị tháng

- Kế hoạch trả nợ:^(f)/...../..... số tiềnđồng

...../...../..... số tiền đồng

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai trên đơn và các hồ sơ giấy tờ chứng minh là đúng,*M*

Ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký ghi rõ họ tên, hoặc điểm chỉ;
Đóng dấu (nếu là tổ chức kinh tế))

Một số lưu ý khi lập mẫu số 01/XLN:

(a) Trường hợp người làm đơn không phải là người đứng tên vốn: phải ghi rõ mối quan hệ về nghĩa vụ, trách nhiệm liên quan theo quy định của người làm đơn với người đứng tên vay vốn.

(b) Ghi rõ tên tổ trưởng tổ TK&VV, chủ dự án, người đại diện hợp pháp của TCKT.

(c) Ghi cụ thể nguyên nhân khách quan dẫn đến rủi ro, nguyên nhân dẫn đến không có khả năng trả nợ/thu hồi nợ.

- Đối với trường hợp khách hàng bị rủi ro do các nguyên nhân khách quan quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm c khoản 4 Điều 5 ngoài việc phải ghi rõ nguyên nhân xảy ra rủi ro phải ghi rõ thời điểm xảy ra rủi ro.

- Đối với khoản nợ bổ sung và xóa nợ với nguyên nhân hết hạn khoan chưa hoặc không có khả năng trả nợ ghi cụ thể thời gian các lần được khoan nợ.

(d) Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản được xác định theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 7, riêng đối với trường hợp xóa nợ:

- Tại gạch đầu dòng thứ nhất mục 3 ghi: “không còn tài sản để trả nợ”.
Phần tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại: bỏ trống

- Tại gạch đầu dòng thứ hai mục 3 ghi: “Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn) theo hồ sơ vay vốn”.

- Tại gạch đầu dòng thứ ba mục 3 ghi: “không còn tài sản, phương án, dự án vay vốn”.

(đ) Nêu cụ thể thực trạng và khả năng trả nợ (nêu rõ chưa có khả năng trả nợ hay không có khả năng trả nợ theo từng biện pháp xử lý) của khách hàng và các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn.

(e) Ghi rõ biện pháp đề nghị xử lý nợ (gia hạn nợ, khoan nợ, xóa nợ).

(f) Việc lập kế hoạch trả nợ chỉ áp dụng đối với trường hợp khách hàng đề nghị gia hạn nợ. *ml*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Đề nghị xử lý nợ bị rủi ro

(Chương trình)

Hôm nay, ngày tháng..... năm, tại.....
chúng tôi gồm có:

1. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
2. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
3. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
4. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
5. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
6. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
7. Ông (bà).....là khách hàng vay vốn.

Đã tiến hành thẩm tra và lập biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro của ông (bà):.....địa chỉ.....

là đại diện hộ gia đình (khách hàng, tổ chức kinh tế) vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) theo HĐTD (Sổ Vay vốn) số.....ngày...../...../....., có mã món vay.....Cụ thể như sau:

I. Nguyên nhân khách hàng bị rủi ro: ^(a)

II. Xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản: ^(b)

1. Số vốn và tài sản bị thiệt hạiđồng.
(Ghi rõ tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại):
2. Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn)đồng.
3. Đánh giá mức độ thiệt hại về vốn và tài sản%.

III. Dư nợ tại NHCSXH đến ngày lập biên bản:

Tổng số nợ còn phải trả ngân hàng đến ngày lập biên bản..... đồng.

Trong đó: + Nợ gốc đồng.

+ Nợ lãi đồng.

IV. Đánh giá thực trạng dự án, phương án vay vốn, tài sản và khả năng trả nợ của khách hàng sau khi bị thiệt hại:

1. Đánh giá thực trạng dự án, phương án vay vốn; phương án khôi phục dự án vay vốn:

2. Tài sản hiện tại của khách hàng: ^(c)

3. Đánh giá tình trạng khả năng trả nợ của khách hàng và tất cả các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn: ^(d)

m

4. Về việc áp dụng mọi biện pháp thu hồi nợ: ^(d).....

V. Đề xuất biện pháp xử lý:

Căn cứ vào quy chế xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan tại NHCSXH, thẩm tra tình hình thực tế của khách hàng và các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn, chúng tôi nhất trí xác nhận các nội dung trên là đúng và thống nhất đề nghị NHCSXH, các cơ quan có thẩm quyền xem xét ^(e)cho ông (bà).....với thời gian.....tháng, số tiền.....đồng.

Trong đó: + Nợ gốc đồng.

+ Nợ lãi đồng.

Biên bản này lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau và được các thành viên thống nhất thông qua ký tên dưới đây.

Đại diện khách hàng vay vốn
(Ký ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ, đóng dấu nếu là đại diện pháp nhân) ^(f)

Tổ trưởng Tổ TK&VV
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ tín dụng
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Đại diện UBND cấp xã
(Xác nhận, ký tên, đóng dấu) ^(g)

**Đại diện tổ chức Hội đoàn
thể nhận uỷ thác**
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện NHCSXH
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện cơ quan công an cấp xã
(Xác nhận, ký tên, đóng dấu) ^(h)

Đại diện tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có)
(Xác nhận, ký tên, đóng dấu) ⁽ⁱ⁾

Một số lưu ý khi lập mẫu số 02/XLN:

(a) Ghi cụ thể nguyên nhân khách quan dẫn đến rủi ro, nguyên nhân dẫn đến không có khả năng trả nợ/thu hồi nợ.

- Đối với trường hợp khách hàng bị rủi ro do các nguyên nhân khách quan quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm c khoản 4 Điều 5 ngoài việc phải ghi rõ nguyên nhân xảy ra rủi ro phải ghi rõ thời điểm xảy ra rủi ro.

- Đối với khoản nợ bỏ sung và xóa nợ với nguyên nhân hết hạn khoản chưa hoặc không có khả năng trả nợ ghi cụ thể thời gian các lần được khoản nợ.

(b) Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản được xác định theo Quy định tại điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 7, riêng đối với trường hợp xóa nợ:

- Mục 1 ghi: “không còn tài sản để trả nợ”. Phần tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại: bỏ trống.

- Mục 2 ghi: “Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn) theo hồ sơ vay vốn”.

- Mục 3 ghi: “Không còn tài sản, phương án, dự án vay vốn”.

(c) Thực hiện đối với trường hợp xóa nợ: đánh giá tài sản hiện tại của khách hàng có tham chiếu với tài sản ghi trên hợp đồng vay vốn. Nêu nguyên nhân dẫn đến tình trạng không còn tài sản hoặc còn tài sản nhưng không thu hồi được. Đối với các khoản nợ bị chiếm dụng phải đánh giá tài sản của người chiếm dụng.

(d) Đối với các khoản nợ bị chiếm dụng (nếu có) thì đánh giá khả năng trả nợ, tình trạng của người chiếm dụng.

(đ) Đối với trường hợp xóa nợ: phải ghi rõ nội dung NHCSXH nơi cho vay và các tổ chức, cá nhân có liên quan xác nhận đã áp dụng mọi biện pháp thu hồi nợ nhưng không thu hồi được.

(e) Ghi rõ biện pháp đề nghị xử lý nợ (gia hạn nợ, khoan nợ, xóa nợ).

(f) Trường hợp khách hàng vay vốn không phải làm đơn đề nghị xử lý nợ theo quy định tại điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 8 phải ghi cụ thể nguyên nhân khách hàng không phải làm đơn. (VD: khách hàng chết, không còn các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn...).

(g) Ủy ban Nhân dân cấp xã xác nhận trong những trường hợp theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Quy định.

(h) Công an cấp xã xác nhận trong những trường hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Quy định.

(i) Ghi rõ tên cơ quan ký, xác nhận nội dung.

5. Xử lý khoản nợ bị rủi ro tối đa 03 năm do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng là cá nhân hoặc có thành viên trong hộ gia đình bị: Mắc bệnh tâm thần; mắc bệnh hiểm nghèo; mắc bệnh khác dẫn đến mất năng lực hành vi dân sự; có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; bị suy giảm khả năng lao động vĩnh viễn từ 81% trở lên; chết hoặc bị tuyên bố là đã chết; bị tuyên bố mất tích.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Khách hàng làm Đơn đề nghị xử lý nợ (*mẫu số 01/XLN*).

Bước 2. NHCSXH nơi thực hiện thủ tục

- Kiểm tra tính chính xác, hợp lệ, hợp pháp các giấy tờ do khách hàng gửi đảm bảo đúng thực tế của hồ sơ;

- Phối hợp với khách hàng, cá nhân, tổ chức có liên quan tiến hành thẩm tra, lập Biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro (*mẫu số 02/XLN*);

- Tổng hợp hồ sơ pháp lý và lập biểu tổng hợp đề nghị khoan nợ gửi NHCSXH cấp tỉnh.

Bước 3. NHCSXH cấp tỉnh, thẩm định, kiểm tra, kiểm soát hồ sơ pháp lý do Ngân hàng nơi cho vay trình, tổng hợp các khoản đề nghị khoan nợ của chi nhánh gửi Hội sở chính để kiểm tra. Tại Hội sở chính lập biểu tổng hợp trình Hội đồng quản trị NHCSXH xem xét, quyết định.

b) Cách thức thực hiện: Khách hàng gửi hồ sơ đến NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

c) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị xử lý nợ (*mẫu số 01/XLN*): 02 bản chính;

- Biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro (*mẫu số 02/XLN*): 02 bản chính;

- Giấy nhận nợ (Hợp đồng vay vốn/sổ vay vốn hoặc các giấy tờ nhận nợ khác): 02 bản sao (*NHCSXH nơi cho vay ký sao y, đóng dấu*); Thẻ theo dõi giao dịch tiền vay (*mẫu 01/TL*);

- Ngoài các hồ sơ nêu trên, khách hàng phải có các giấy tờ liên quan như sau đối với từng trường hợp cụ thể:

+ Bản sao có chứng thực xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu tuyến huyện và tương đương trở lên đối với trường hợp khách hàng là cá nhân hoặc có thành viên trong hộ gia đình mắc bệnh hiểm nghèo; mắc bệnh tâm thần; mắc bệnh khác dẫn đến mất năng lực hành vi dân sự; bị suy giảm khả năng lao động vĩnh viễn từ 81% trở lên: 02 bản;

+ Bản sao có chứng thực Quyết định của Tòa án về việc cá nhân có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự: 02 bản;

+ Bản sao có chứng thực Giấy chứng tử hoặc Quyết định của Tòa án về việc tuyên bố cá nhân chết, mất tích: 02 bản.

d) Số bộ hồ sơ: 02 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Tổng Giám đốc NHCSXH và báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị cho ý kiến để tổng hợp trình Chủ tịch xem xét, quyết định).

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, hộ gia đình.

g) Cơ quan thực hiện thủ tục: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hội đồng quản trị NHCSXH.

- Cơ quan phối hợp: UBND xã; Tổ TK&VV (hoặc Chủ dự án); Tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác; Tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có).

h) Kết quả thực hiện: Chủ tịch Hội đồng quản trị NHCSXH thay mặt Hội đồng quản trị NHCSXH ký Quyết định khoan nợ.

i) Mức phí, tên phí: Không.

k) Mẫu đơn, tờ khai: Đơn đề nghị xử lý nợ (mẫu số 01/XLN).

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

- Khách hàng vay vốn sử dụng đúng mục đích ghi trong Hợp đồng tín dụng;

- Khách hàng là cá nhân hoặc có các thành viên khác trong hộ gia đình bị: Mắc bệnh tâm thần; mắc bệnh hiểm nghèo; mắc bệnh khác dẫn đến mất năng lực hành vi dân sự; có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; bị suy giảm khả năng lao động vĩnh viễn từ 81% trở lên; chết hoặc bị tuyên bố là đã chết; bị tuyên bố mất tích;

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục:

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH;

- Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg ngày 11/03/2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/07/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

- Quyết định số 62/QĐ-HĐQT ngày 27/09/2021 của Hội đồng quản trị NHCSXH ban hành Quy định xử lý nợ rủi ro trong hệ thống NHCSXH. *m*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ NỢ

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

Tên tôi là:^(a)

Hiện cư trú tại:

Là thành viên của Tổ TK&VV (Dự án) do ông (bà):^(b) làm Tổ trưởng (Chủ Dự án)

Tôi làm đơn này xin trình bày với Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) và các cơ quan chức năng nội dung sau:

1. Theo HĐTD (sổ Vay vốn) số....., ngày...../...../..... tôi/tổ chức kinh tế (TCKT) có đứng tên vay vốn chương trình tại NHCSXH.....

Số tiền vayđồng; Thời điểm nhận tiền vay.....; Hạn trả nợ:..... ; Mục đích vay vốn

Hiện nay, tôi còn nợ Ngân hàng số tiền: đồng (Trong đó: Nợ gốc: đồng; Nợ lãi:đồng).

2. Trong thời gian vừa qua do:^(c)

3. Số vốn, tài sản của dự án, phương án vay vốn bị thiệt hại như sau: ^(d)

- Số vốn và tài sản bị thiệt hạiđồng.

(Ghi rõ tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại):

- Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn).....đồng.

- Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản.....%.

4. Tình hình kinh tế, khả năng trả nợ Ngân hàng hiện nay của cá nhân (TCKT) và các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn sau khi gặp rủi ro: ^(d)

Vậy tôi làm đơn này đề nghị NHCSXH và các cơ quan chức năng xem xét ^(e) số nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan của tôi (TCKT), cụ thể:

- Số tiền đề nghị làđồng

(Trong đó: Nợ gốc:..... đồng; Nợ lãi:đồng)

- Thời gian đề nghị tháng

- Kế hoạch trả nợ:^(f)/...../..... số tiềnđồng

...../...../..... số tiền đồng

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai trên đơn và các hồ sơ giấy tờ chứng minh là đúng.

Ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký ghi rõ họ tên, hoặc điểm chỉ;
Đóng dấu (nếu là tổ chức kinh tế))

Một số lưu ý khi lập mẫu số 01/XLN:

(a) Trường hợp người làm đơn không phải là người đứng tên vốn: phải ghi rõ mối quan hệ về nghĩa vụ, trách nhiệm liên quan theo quy định của người làm đơn với người đứng tên vay vốn.

(b) Ghi rõ tên tổ trưởng tổ TK&VV, chủ dự án, người đại diện hợp pháp của TCKT.

(c) Ghi cụ thể nguyên nhân khách quan dẫn đến rủi ro, nguyên nhân dẫn đến không có khả năng trả nợ/thu hồi nợ.

- Đối với trường hợp khách hàng bị rủi ro do các nguyên nhân khách quan quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm c khoản 4 Điều 5 ngoài việc phải ghi rõ nguyên nhân xảy ra rủi ro phải ghi rõ thời điểm xảy ra rủi ro.

- Đối với khoản nợ bổ sung và xóa nợ với nguyên nhân hết hạn khoản chưa hoặc không có khả năng trả nợ ghi cụ thể thời gian các lần được khoan nợ.

(d) Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản được xác định theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 7, riêng đối với trường hợp xóa nợ:

- Tại gạch đầu dòng thứ nhất mục 3 ghi: “không còn tài sản để trả nợ”.
Phần tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại: bỏ trống

- Tại gạch đầu dòng thứ hai mục 3 ghi: “Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn) theo hồ sơ vay vốn”.

- Tại gạch đầu dòng thứ ba mục 3 ghi: “không còn tài sản, phương án, dự án vay vốn”.

(đ) Nêu cụ thể thực trạng và khả năng trả nợ (nêu rõ chưa có khả năng trả nợ hay không có khả năng trả nợ theo từng biện pháp xử lý) của khách hàng và các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn.

(e) Ghi rõ biện pháp đề nghị xử lý nợ (gia hạn nợ, khoan nợ, xóa nợ).

(f) Việc lập kế hoạch trả nợ chỉ áp dụng đối với trường hợp khách hàng đề nghị gia hạn nợ. *M*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Đề nghị xử lý nợ bị rủi ro

(Chương trình)

Hôm nay, ngày tháng..... năm, tại.....
chúng tôi gồm có:

1. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
2. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
3. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
4. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
5. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
6. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
7. Ông (bà).....là khách hàng vay vốn.

Đã tiến hành thẩm tra và lập biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro của ông (bà):.....địa chỉ.....

là đại diện hộ gia đình (khách hàng, tổ chức kinh tế) vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) theo HĐTD (Sổ Vay vốn) số.....ngày...../...../....., có mã món vay.....Cụ thể như sau:

I. Nguyên nhân khách hàng bị rủi ro: ^(a)

II. Xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản: ^(b)

1. Số vốn và tài sản bị thiệt hạiđồng.

(Ghi rõ tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại):

2. Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn)đồng.

3. Đánh giá mức độ thiệt hại về vốn và tài sản%.

III. Dư nợ tại NHCSXH đến ngày lập biên bản:

Tổng số nợ còn phải trả ngân hàng đến ngày lập biên bản..... đồng.

Trong đó: + Nợ gốc đồng.

+ Nợ lãi đồng.

IV. Đánh giá thực trạng dự án, phương án vay vốn, tài sản và khả năng trả nợ của khách hàng sau khi bị thiệt hại:

1. Đánh giá thực trạng dự án, phương án vay vốn; phương án khôi phục dự án vay vốn:

2. Tài sản hiện tại của khách hàng: ^(c)

3. Đánh giá tình trạng khả năng trả nợ của khách hàng và tất cả các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn: ^(d)

/

4. Về việc áp dụng mọi biện pháp thu hồi nợ: ^(d).....

V. Đề xuất biện pháp xử lý:

Căn cứ vào quy chế xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan tại NHCSXH, thẩm tra tình hình thực tế của khách hàng và các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn, chúng tôi nhất trí xác nhận các nội dung trên là đúng và thống nhất đề nghị NHCSXH, các cơ quan có thẩm quyền xem xét ^(e)cho ông (bà).....với thời gian.....tháng, số tiền.....đồng.

Trong đó: + Nợ gốc đồng.

+ Nợ lãi đồng.

Biên bản này lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau và được các thành viên thống nhất thông qua ký tên dưới đây, *M*

Đại diện khách hàng vay vốn
(Ký ghi rõ họ tên hoặc điền chỉ, đóng dấu nếu là đại diện pháp nhân) ^(f)

Tổ trưởng Tổ TK&VV
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ tín dụng
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Đại diện UBND cấp xã
(Xác nhận, ký tên, đóng dấu) ^(g)

Đại diện tổ chức Hội đoàn thể nhận ủy thác
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện NHCSXH
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện cơ quan công an cấp xã
(Xác nhận, ký tên, đóng dấu) ^(h)

Đại diện tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có)
(Xác nhận, ký tên, đóng dấu) ⁽ⁱ⁾

Một số lưu ý khi lập mẫu số 02/XLN:

(a) Ghi cụ thể nguyên nhân khách quan dẫn đến rủi ro, nguyên nhân dẫn đến không có khả năng trả nợ/thu hồi nợ.

- Đối với trường hợp khách hàng bị rủi ro do các nguyên nhân khách quan quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm c khoản 4 Điều 5 ngoài việc phải ghi rõ nguyên nhân xảy ra rủi ro phải ghi rõ thời điểm xảy ra rủi ro.

- Đối với khoản nợ bổ sung và xóa nợ với nguyên nhân hết hạn khoản chưa hoặc không có khả năng trả nợ ghi cụ thể thời gian các lần được khoan nợ.

(b) Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản được xác định theo Quy định tại điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 7, riêng đối với trường hợp xóa nợ:

- Mục 1 ghi: “không còn tài sản để trả nợ”. Phần tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại: bỏ trống.

- Mục 2 ghi: “Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn) theo hồ sơ vay vốn”.

- Mục 3 ghi: “Không còn tài sản, phương án, dự án vay vốn”.

(c) Thực hiện đối với trường hợp xóa nợ: đánh giá tài sản hiện tại của khách hàng có tham chiếu với tài sản ghi trên hợp đồng vay vốn. Nêu nguyên nhân dẫn đến tình trạng không còn tài sản hoặc còn tài sản nhưng không thu hồi được. Đối với các khoản nợ bị chiếm dụng phải đánh giá tài sản của người chiếm dụng.

(d) Đối với các khoản nợ bị chiếm dụng (nếu có) thì đánh giá khả năng trả nợ, tình trạng của người chiếm dụng.


(đ) Đối với trường hợp xóa nợ: phải ghi rõ nội dung NHCSXH nơi cho vay và các tổ chức, cá nhân có liên quan xác nhận đã áp dụng mọi biện pháp thu hồi nợ nhưng không thu hồi được.

(e) Ghi rõ biện pháp đề nghị xử lý nợ (gia hạn nợ, khoan nợ, xóa nợ).

(f) Trường hợp khách hàng vay vốn không phải làm đơn đề nghị xử lý nợ theo quy định tại điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 8 phải ghi cụ thể nguyên nhân khách hàng không phải làm đơn. (VD: khách hàng chết, không còn các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn...).

(g) Ủy ban Nhân dân cấp xã xác nhận trong những trường hợp theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Quy định.

(h) Công an cấp xã xác nhận trong những trường hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Quy định.

(i) Ghi rõ tên cơ quan ký, xác nhận nội dung. 

6. Xử lý khoản nợ bị rủi ro tối đa 03 năm do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng là cá nhân hoặc có thành viên trong hộ gia đình bị bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định của Bộ Y tế.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Khách hàng làm Đơn đề nghị xử lý nợ (*mẫu số 01/XLN*).

Bước 2. NHCSXH nơi thực hiện thủ tục

- Kiểm tra tính chính xác, hợp lệ, hợp pháp các giấy tờ do khách hàng gửi đảm bảo đúng thực tế của hồ sơ;

- Phối hợp với khách hàng, cá nhân, tổ chức có liên quan tiến hành thẩm tra, lập Biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro (*mẫu số 02/XLN*);

- Tổng hợp hồ sơ pháp lý và lập biểu tổng hợp đề nghị khoan nợ gửi NHCSXH cấp tỉnh.

Bước 3. NHCSXH cấp tỉnh, thẩm định, kiểm tra, kiểm soát hồ sơ pháp lý do Ngân hàng nơi cho vay trình, tổng hợp các khoản đề nghị khoan nợ của chi nhánh gửi Hội sở chính để kiểm tra. Tại Hội sở chính lập biểu tổng hợp trình Hội đồng quản trị NHCSXH xem xét, quyết định.

b) Cách thức thực hiện: Khách hàng gửi hồ sơ đến NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

c) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị xử lý nợ (*mẫu số 01/XLN*): 02 bản chính;

- Biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro (*mẫu số 02/XLN*): 02 bản chính;

- Giấy nhận nợ (Hợp đồng vay vốn/sổ vay vốn hoặc các giấy tờ nhận nợ khác): 02 bản sao (*NHCSXH nơi cho vay ký sao y, đóng dấu*); Thẻ theo dõi giao dịch tiền vay (*mẫu 01/TL*);

- Bản sao có chứng thực xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu tuyến huyện và tương đương trở lên: 02 bản.

d) Số bộ hồ sơ: 02 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Tổng Giám đốc NHCSXH và báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị cho ý kiến để tổng hợp trình Chủ tịch xem xét, quyết định).

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, hộ gia đình.

g) Cơ quan thực hiện thủ tục: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hội đồng quản trị NHCSXH.

- Cơ quan phối hợp: UBND cấp xã; Ban quản lý Tổ TK&VV (Chủ Dự án); Tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác; Tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có).

h) Kết quả thực hiện: Chủ tịch Hội đồng quản trị NHCSXH thay mặt Hội đồng quản trị NHCSXH ký Quyết định khoan nợ.

i) Mức phí, tên phí: Không.

k) Mẫu đơn, tờ khai: Đơn đề nghị xử lý nợ (mẫu số 01/XLN).

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

- Khách hàng vay vốn sử dụng đúng mục đích ghi trong Hợp đồng tín dụng;
- Khách hàng là cá nhân hoặc có các thành viên khác trong hộ gia đình bị bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định của Bộ Y tế;

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục:

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;
- Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH;
- Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg ngày 11/03/2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/07/2010 của Thủ tướng Chính phủ;
- Quyết định số 62/QĐ-HĐQT ngày 27/09/2021 của Hội đồng quản trị NHCSXH ban hành Quy định xử lý nợ rủi ro trong hệ thống NHCSXH.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ NỢ

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

Tên tôi là:^(a)

Hiện cư trú tại:

Là thành viên của Tổ TK&VV (Dự án) do ông (bà): ^(b) làm Tổ trưởng (Chủ Dự án)

Tôi làm đơn này xin trình bày với Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) và các cơ quan chức năng nội dung sau:

1. Theo HĐTD (sổ Vay vốn) số....., ngày...../...../..... tôi/tổ chức kinh tế (TCKT) có đứng tên vay vốn chương trình tại NHCSXH.....

Số tiền vayđồng; Thời điểm nhận tiền vay.....; Hạn trả nợ:..... ; Mục đích vay vốn

Hiện nay, tôi còn nợ Ngân hàng số tiền: đồng (Trong đó: Nợ gốc: đồng; Nợ lãi:đồng).

2. Trong thời gian vừa qua do:^(c)

3. Số vốn, tài sản của dự án, phương án vay vốn bị thiệt hại như sau: ^(d)

- Số vốn và tài sản bị thiệt hạiđồng.

(Ghi rõ tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại):

- Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn).....đồng.

- Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản.....%.

4. Tình hình kinh tế, khả năng trả nợ Ngân hàng hiện nay của cá nhân (TCKT) và các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn sau khi gặp rủi ro: ^(d)

Vậy tôi làm đơn này đề nghị NHCSXH và các cơ quan chức năng xem xét ^(e) số nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan của tôi (TCKT), cụ thể:

- Số tiền đề nghị làđồng

(Trong đó: Nợ gốc:..... đồng; Nợ lãi:đồng)

- Thời gian đề nghị tháng

- Kế hoạch trả nợ:^(f)/...../..... số tiềnđồng

...../...../..... số tiền đồng

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai trên đơn và các hồ sơ giấy tờ chứng minh là đúng. *M*

Ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký ghi rõ họ tên, hoặc điểm chỉ;
Đóng dấu (nếu là tổ chức kinh tế))

Một số lưu ý khi lập mẫu số 01/XLN:

(a) Trường hợp người làm đơn không phải là người đứng tên vốn: phải ghi rõ mối quan hệ về nghĩa vụ, trách nhiệm liên quan theo quy định của người làm đơn với người đứng tên vay vốn.

(b) Ghi rõ tên tổ trưởng tổ TK&VV, chủ dự án, người đại diện hợp pháp của TCKT.

(c) Ghi cụ thể nguyên nhân khách quan dẫn đến rủi ro, nguyên nhân dẫn đến không có khả năng trả nợ/thu hồi nợ.

- Đối với trường hợp khách hàng bị rủi ro do các nguyên nhân khách quan quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm c khoản 4 Điều 5 ngoài việc phải ghi rõ nguyên nhân xảy ra rủi ro phải ghi rõ thời điểm xảy ra rủi ro.

- Đối với khoản nợ bổ sung và xóa nợ với nguyên nhân hết hạn khoan chưa hoặc không có khả năng trả nợ ghi cụ thể thời gian các lần được khoan nợ.

(d) Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản được xác định theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 7, riêng đối với trường hợp xóa nợ:

- Tại gạch đầu dòng thứ nhất mục 3 ghi: “không còn tài sản để trả nợ”.
Phần tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại: bỏ trống

- Tại gạch đầu dòng thứ hai mục 3 ghi: “Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn) theo hồ sơ vay vốn”.

- Tại gạch đầu dòng thứ ba mục 3 ghi: “không còn tài sản, phương án, dự án vay vốn”.

(đ) Nêu cụ thể thực trạng và khả năng trả nợ (nêu rõ chưa có khả năng trả nợ hay không có khả năng trả nợ theo từng biện pháp xử lý) của khách hàng và các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn.

(e) Ghi rõ biện pháp đề nghị xử lý nợ (gia hạn nợ, khoan nợ, xóa nợ).

(f) Việc lập kế hoạch trả nợ chỉ áp dụng đối với trường hợp khách hàng đề nghị gia hạn nợ. *ML*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Đề nghị xử lý nợ bị rủi ro

(Chương trình)

Hôm nay, ngày tháng..... năm, tại.....
chúng tôi gồm có:

1. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
2. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
3. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
4. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
5. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
6. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
7. Ông (bà).....là khách hàng vay vốn.

Đã tiến hành thẩm tra và lập biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro của ông (bà):.....địa chỉ.....

là đại diện hộ gia đình (khách hàng, tổ chức kinh tế) vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) theo HĐTD (Sổ Vay vốn) số.....ngày...../...../....., có mã món vay.....Cụ thể như sau:

I. Nguyên nhân khách hàng bị rủi ro: ^(a)

II. Xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản: ^(b)

1. Số vốn và tài sản bị thiệt hạiđồng.

(Ghi rõ tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại):

2. Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn)đồng.

3. Đánh giá mức độ thiệt hại về vốn và tài sản%.

III. Dư nợ tại NHCSXH đến ngày lập biên bản:

Tổng số nợ còn phải trả ngân hàng đến ngày lập biên bản..... đồng.

Trong đó: + Nợ gốc đồng.

+ Nợ lãi đồng.

IV. Đánh giá thực trạng dự án, phương án vay vốn, tài sản và khả năng trả nợ của khách hàng sau khi bị thiệt hại:

1. Đánh giá thực trạng dự án, phương án vay vốn; phương án khôi phục dự án vay vốn:

2. Tài sản hiện tại của khách hàng: ^(c)

3. Đánh giá tình trạng khả năng trả nợ của khách hàng và tất cả các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn: ^(d)

M

4. Về việc áp dụng mọi biện pháp thu hồi nợ: ^(d).....

V. Đề xuất biện pháp xử lý:

Căn cứ vào quy chế xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan tại NHCSXH, thẩm tra tình hình thực tế của khách hàng và các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn, chúng tôi nhất trí xác nhận các nội dung trên là đúng và thống nhất đề nghị NHCSXH, các cơ quan có thẩm quyền xem xét ^(e)cho ông (bà).....với thời gian.....tháng, số tiền.....đồng.

Trong đó: + Nợ gốc đồng.

+ Nợ lãi đồng.

Biên bản này lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau và được các thành viên thống nhất thông qua ký tên dưới đây. *MU*

Đại diện khách hàng vay vốn
(Ký ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ, đóng dấu nếu là đại diện pháp nhân) ^(f)

Tổ trưởng Tổ TK&VV
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ tín dụng
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Đại diện UBND cấp xã
(Xác nhận, ký tên, đóng dấu) ^(g)

**Đại diện tổ chức Hội đoàn
thể nhận uỷ thác**
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện NHCSXH
(Ký tên, đóng dấu)

.....
.....
.....

Đại diện cơ quan công an cấp xã
(Xác nhận, ký tên, đóng dấu) ^(h)

Đại diện tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có)
(Xác nhận, ký tên, đóng dấu) ⁽ⁱ⁾

.....
.....
.....

.....
.....
.....

Một số lưu ý khi lập mẫu số 02/XLN:

(a) Ghi cụ thể nguyên nhân khách quan dẫn đến rủi ro, nguyên nhân dẫn đến không có khả năng trả nợ/thu hồi nợ.

- Đối với trường hợp khách hàng bị rủi ro do các nguyên nhân khách quan quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm c khoản 4 Điều 5 ngoài việc phải ghi rõ nguyên nhân xảy ra rủi ro phải ghi rõ thời điểm xảy ra rủi ro.

- Đối với khoản nợ bỏ sung và xóa nợ với nguyên nhân hết hạn khoan chưa hoặc không có khả năng trả nợ ghi cụ thể thời gian các lần được khoan nợ.

(b) Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản được xác định theo Quy định tại điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 7, riêng đối với trường hợp xóa nợ:

- Mục 1 ghi: “không còn tài sản để trả nợ”. Phần tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại: bỏ trống.

- Mục 2 ghi: “Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn) theo hồ sơ vay vốn”.

- Mục 3 ghi: “Không còn tài sản, phương án, dự án vay vốn”.

(c) Thực hiện đối với trường hợp xóa nợ: đánh giá tài sản hiện tại của khách hàng có tham chiếu với tài sản ghi trên hợp đồng vay vốn. Nêu nguyên nhân dẫn đến tình trạng không còn tài sản hoặc còn tài sản nhưng không thu hồi được. Đối với các khoản nợ bị chiếm dụng phải đánh giá tài sản của người chiếm dụng.

(d) Đối với các khoản nợ bị chiếm dụng (nếu có) thì đánh giá khả năng trả nợ, tình trạng của người chiếm dụng.

(đ) Đối với trường hợp xóa nợ: phải ghi rõ nội dung NHCSXH nơi cho vay và các tổ chức, cá nhân có liên quan xác nhận đã áp dụng mọi biện pháp thu hồi nợ nhưng không thu hồi được.

(e) Ghi rõ biện pháp đề nghị xử lý nợ (gia hạn nợ, khoan nợ, xóa nợ).

(f) Trường hợp khách hàng vay vốn không phải làm đơn đề nghị xử lý nợ theo quy định tại điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 8 phải ghi cụ thể nguyên nhân khách hàng không phải làm đơn. (VD: khách hàng chết, không còn các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn...).

(g) Ủy ban Nhân dân cấp xã xác nhận trong những trường hợp theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Quy định.

(h) Công an cấp xã xác nhận trong những trường hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Quy định.

(i) Ghi rõ tên cơ quan ký, xác nhận nội dung.

7. Xử lý khoản nợ bị rủi ro tối đa 03 năm do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng bị rủi ro trước thời điểm năm 2014 không thực hiện xử lý kịp thời.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Khách hàng làm Đơn đề nghị xử lý nợ (*mẫu số 01/XLN*).

Bước 2. NHCSXH nơi thực hiện thủ tục

- Kiểm tra tính chính xác, hợp lệ, hợp pháp các giấy tờ do khách hàng gửi đảm bảo đúng thực tế của hồ sơ;

- Phối hợp với khách hàng, cá nhân, tổ chức có liên quan tiến hành thẩm tra, lập Biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro (*mẫu số 02/XLN*);

- Tổng hợp hồ sơ pháp lý và lập biểu tổng hợp đề nghị khoan nợ gửi NHCSXH cấp tỉnh.

Bước 3. NHCSXH cấp tỉnh, thẩm định, kiểm tra, kiểm soát hồ sơ pháp lý do Ngân hàng nơi cho vay trình, tổng hợp các khoản đề nghị khoan nợ của chi nhánh gửi Hội sở chính để kiểm tra. Tại Hội sở chính lập biểu tổng hợp trình Hội đồng quản trị NHCSXH xem xét, quyết định.

b) Cách thức thực hiện: Khách hàng gửi hồ sơ đến NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

c) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị xử lý nợ (*mẫu số 01/XLN*): 02 bản chính;

- Biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro (*mẫu số 02/XLN*): 02 bản chính;

- Giấy nhận nợ (Hợp đồng vay vốn/sổ vay vốn hoặc các giấy tờ nhận nợ khác): 02 bản sao (*NHCSXH nơi cho vay ký sao y, đóng dấu*); Thẻ theo dõi giao dịch tiền vay (*mẫu 01/TL*);

- Trường hợp khách hàng là Tổ chức kinh tế thì bổ sung:

+ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực báo cáo tài chính 02 năm gần nhất: 02 bản;

+ Bản chính phương án phục hồi sản xuất – kinh doanh: 02 bản.

d) Số bộ hồ sơ: 02 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Tổng Giám đốc NHCSXH và báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị cho ý kiến để tổng hợp trình Chủ tịch xem xét, quyết định).

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, hộ gia đình, Tổ chức kinh tế.

g) Cơ quan thực hiện thủ tục: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hội đồng quản trị NHCSXH.

- Cơ quan phối hợp: UBND xã; Tổ TK&VV (hoặc Chủ dự án); Tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác; Tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có).

h) Kết quả thực hiện: Chủ tịch Hội đồng quản trị NHCSXH thay mặt Hội đồng quản trị NHCSXH ký Quyết định khoan nợ.

i) Mức phí, tên phí: Không.

k) Mẫu đơn, tờ khai: Đơn đề nghị xử lý nợ (mẫu số 01/XLN).

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

- Khách hàng vay vốn sử dụng đúng mục đích ghi trong Hợp đồng tín dụng;

- Khách hàng bị rủi ro do: thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn; các dịch bệnh liên quan tới vật nuôi, cây trồng, nhà nước thay đổi chính sách làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của khách hàng: không còn nguồn cung cấp nguyên vật liệu; mặt hàng sản xuất, kinh doanh bị cấm, bị hạn chế theo quy định của pháp luật; khách hàng phải thực hiện việc chuyển đổi sản xuất, kinh doanh theo quyết định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng do không thực hiện xử lý rủi ro kịp thời nên không xác định được mức độ thiệt hại;

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục:

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH;

- Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg ngày 11/03/2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/07/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

- Quyết định số 62/QĐ-HĐQT ngày 27/09/2021 của Hội đồng quản trị NHCSXH ban hành Quy định xử lý nợ rủi ro trong hệ thống NHCSXH. *m*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ NỢ

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

Tên tôi là:^(a)

Hiện cư trú tại:

Là thành viên của Tổ TK&VV (Dự án) do

ông (bà): ^(b) làm Tổ trưởng (Chủ Dự án)

Tôi làm đơn này xin trình bày với Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) và các cơ quan chức năng nội dung sau:

1. Theo HĐTD (sổ Vay vốn) số....., ngày...../...../..... tôi/tổ chức kinh tế (TCKT) có đứng tên vay vốn chương trình tại NHCSXH.....

Số tiền vayđồng; Thời điểm nhận tiền vay.....; Hạn trả nợ:..... ; Mục đích vay vốn

Hiện nay, tôi còn nợ Ngân hàng số tiền: đồng (Trong đó: Nợ gốc: đồng; Nợ lãi:đồng).

2. Trong thời gian vừa qua do:^(c)

3. Số vốn, tài sản của dự án, phương án vay vốn bị thiệt hại như sau: ^(d)

- Số vốn và tài sản bị thiệt hạiđồng.

(Ghi rõ tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại):

- Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn).....đồng.

- Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản.....%.

4. Tình hình kinh tế, khả năng trả nợ Ngân hàng hiện nay của cá nhân (TCKT) và các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn sau khi gặp rủi ro: ^(d)

Vậy tôi làm đơn này đề nghị NHCSXH và các cơ quan chức năng xem xét ^(e) số nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan của tôi (TCKT), cụ thể:

- Số tiền đề nghị làđồng

(Trong đó: Nợ gốc:..... đồng; Nợ lãi:đồng)

- Thời gian đề nghị tháng

- Kế hoạch trả nợ:^(f)/...../..... số tiềnđồng

...../...../..... số tiền đồng

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai trên đơn và các hồ sơ giấy tờ chứng minh là đúng.

Ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký ghi rõ họ tên, hoặc điểm chỉ;

Đóng dấu (nếu là tổ chức kinh tế))

Một số lưu ý khi lập mẫu số 01/XLN:

(a) Trường hợp người làm đơn không phải là người đứng tên vốn: phải ghi rõ mối quan hệ về nghĩa vụ, trách nhiệm liên quan theo quy định của người làm đơn với người đứng tên vay vốn.

(b) Ghi rõ tên tổ trưởng tổ TK&VV, chủ dự án, người đại diện hợp pháp của TCKT.

(c) Ghi cụ thể nguyên nhân khách quan dẫn đến rủi ro, nguyên nhân dẫn đến không có khả năng trả nợ/thu hồi nợ.

- Đối với trường hợp khách hàng bị rủi ro do các nguyên nhân khách quan quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm c khoản 4 Điều 5 ngoài việc phải ghi rõ nguyên nhân xảy ra rủi ro phải ghi rõ thời điểm xảy ra rủi ro.

- Đối với khoản nợ bổ sung và xóa nợ với nguyên nhân hết hạn khoan chưa hoặc không có khả năng trả nợ ghi cụ thể thời gian các lần được khoan nợ.

(d) Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản được xác định theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 7, riêng đối với trường hợp xóa nợ:

- Tại gạch đầu dòng thứ nhất mục 3 ghi: “không còn tài sản để trả nợ”. Phần tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại: bỏ trống

- Tại gạch đầu dòng thứ hai mục 3 ghi: “Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn) theo hồ sơ vay vốn”.

- Tại gạch đầu dòng thứ ba mục 3 ghi: “không còn tài sản, phương án, dự án vay vốn”.

(đ) Nêu cụ thể thực trạng và khả năng trả nợ (nêu rõ chưa có khả năng trả nợ hay không có khả năng trả nợ theo từng biện pháp xử lý) của khách hàng và các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn.

(e) Ghi rõ biện pháp đề nghị xử lý nợ (gia hạn nợ, khoan nợ, xóa nợ).

(f) Việc lập kế hoạch trả nợ chỉ áp dụng đối với trường hợp khách hàng đề nghị gia hạn nợ.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Đề nghị xử lý nợ bị rủi ro

(Chương trình)

Hôm nay, ngày tháng..... năm, tại.....
chúng tôi gồm có:

1. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
2. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
3. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
4. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
5. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
6. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
7. Ông (bà).....là khách hàng vay vốn.

Đã tiến hành thẩm tra và lập biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro của ông (bà):.....địa chỉ.....
là đại diện hộ gia đình (khách hàng, tổ chức kinh tế) vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) theo HĐTD (Số Vay vốn) số.....ngày...../...../....., có mã món vay.....Cụ thể như sau:

I. Nguyên nhân khách hàng bị rủi ro: ^(a).....

II. Xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản: ^(b)

1. Số vốn và tài sản bị thiệt hạiđồng.
(Ghi rõ tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại):
2. Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn)đồng.
3. Đánh giá mức độ thiệt hại về vốn và tài sản%.

III. Dư nợ tại NHCSXH đến ngày lập biên bản:

Tổng số nợ còn phải trả ngân hàng đến ngày lập biên bản..... đồng.

Trong đó: + Nợ gốc đồng.

+ Nợ lãi đồng.

IV. Đánh giá thực trạng dự án, phương án vay vốn, tài sản và khả năng trả nợ của khách hàng sau khi bị thiệt hại:

1. Đánh giá thực trạng dự án, phương án vay vốn; phương án khôi phục dự án vay vốn:

2. Tài sản hiện tại của khách hàng: ^(c).....

3. Đánh giá tình trạng khả năng trả nợ của khách hàng và tất cả các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn: ^(d).....

MV

4. Về việc áp dụng mọi biện pháp thu hồi nợ: ^(d)

V. Đề xuất biện pháp xử lý:

Căn cứ vào quy chế xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan tại NHCSXH, thẩm tra tình hình thực tế của khách hàng và các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn, chúng tôi nhất trí xác nhận các nội dung trên là đúng và thống nhất đề nghị NHCSXH, các cơ quan có thẩm quyền xem xét ^(e)cho ông (bà).....với thời gian.....tháng, số tiền.....đồng.

Trong đó: + Nợ gốc đồng.

+ Nợ lãi đồng.

Biên bản này lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau và được các thành viên thống nhất thông qua ký tên dưới đây. *M*

Đại diện khách hàng vay vốn
(Ký ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ, đóng dấu nếu là đại diện pháp nhân) ^(f)

Tổ trưởng Tổ TK&VV
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ tín dụng
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Đại diện UBND cấp xã
(Xác nhận, ký tên, đóng dấu) ^(g)

**Đại diện tổ chức Hội đoàn
thể nhận ủy thác**
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện NHCSXH
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện cơ quan công an cấp xã
(Xác nhận, ký tên, đóng dấu) ^(h)

Đại diện tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có)
(Xác nhận, ký tên, đóng dấu) ⁽ⁱ⁾

Một số lưu ý khi lập mẫu số 02/XLN:

(a) Ghi cụ thể nguyên nhân khách quan dẫn đến rủi ro, nguyên nhân dẫn đến không có khả năng trả nợ/thu hồi nợ.

- Đối với trường hợp khách hàng bị rủi ro do các nguyên nhân khách quan quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm c khoản 4 Điều 5 ngoài việc phải ghi rõ nguyên nhân xảy ra rủi ro phải ghi rõ thời điểm xảy ra rủi ro.

- Đối với khoản nợ bổ sung và xóa nợ với nguyên nhân hết hạn khoản chưa hoặc không có khả năng trả nợ ghi cụ thể thời gian các lần được khoan nợ.

(b) Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản được xác định theo Quy định tại điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 7, riêng đối với trường hợp xóa nợ:

- Mục 1 ghi: “không còn tài sản để trả nợ”. Phần tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại: bỏ trống.

- Mục 2 ghi: “Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn) theo hồ sơ vay vốn”.

- Mục 3 ghi: “Không còn tài sản, phương án, dự án vay vốn”.

(c) Thực hiện đối với trường hợp xóa nợ: đánh giá tài sản hiện tại của khách hàng có tham chiếu với tài sản ghi trên hợp đồng vay vốn. Nêu nguyên nhân dẫn đến tình trạng không còn tài sản hoặc còn tài sản nhưng không thu hồi được. Đối với các khoản nợ bị chiếm dụng phải đánh giá tài sản của người chiếm dụng.

(d) Đối với các khoản nợ bị chiếm dụng (nếu có) thì đánh giá khả năng trả nợ, tình trạng của người chiếm dụng.

(đ) Đối với trường hợp xóa nợ: phải ghi rõ nội dung NHCSXH nơi cho vay và các tổ chức, cá nhân có liên quan xác nhận đã áp dụng mọi biện pháp thu hồi nợ nhưng không thu hồi được.

(e) Ghi rõ biện pháp đề nghị xử lý nợ (gia hạn nợ, khoan nợ, xóa nợ).

(f) Trường hợp khách hàng vay vốn không phải làm đơn đề nghị xử lý nợ theo quy định tại điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 8 phải ghi cụ thể nguyên nhân khách hàng không phải làm đơn. (VD: khách hàng chết, không còn các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn...).

(g) Ủy ban Nhân dân cấp xã xác nhận trong những trường hợp theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Quy định.

(h) Công an cấp xã xác nhận trong những trường hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Quy định.

(i) Ghi rõ tên cơ quan ký, xác nhận nội dung.

8. Xử lý khoản nợ bị rủi ro tối đa 05 năm do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng bị rủi ro do: Thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, Nhà nước thay đổi chính sách làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Khách hàng làm Đơn đề nghị xử lý nợ (*mẫu số 01/XLN*).

Bước 2. NHCSXH nơi thực hiện thủ tục

- Kiểm tra tính chính xác, hợp lệ, hợp pháp các giấy tờ do khách hàng gửi đảm bảo đúng thực tế của hồ sơ;

- Phối hợp với khách hàng, cá nhân, tổ chức có liên quan tiến hành thẩm tra, lập Biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro (*mẫu số 02/XLN*);

- Tổng hợp hồ sơ pháp lý và lập biểu tổng hợp đề nghị khoan nợ gửi NHCSXH cấp tỉnh.

Bước 3. NHCSXH cấp tỉnh, thẩm định, kiểm tra, kiểm soát hồ sơ pháp lý do Ngân hàng nơi cho vay trình, tổng hợp các khoản đề nghị khoan nợ của chi nhánh gửi Hội sở chính để kiểm tra. Tại Hội sở chính lập biểu tổng hợp trình Hội đồng quản trị NHCSXH xem xét, quyết định.

b) Cách thức thực hiện: Khách hàng gửi hồ sơ đến NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

c) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị xử lý nợ (*mẫu số 01/XLN*): 02 bản chính;

- Biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro (*mẫu số 02/XLN*): 02 bản chính;

- Giấy nhận nợ (Hợp đồng vay vốn/sổ vay vốn hoặc các giấy tờ nhận nợ khác): 02 bản sao (*NHCSXH nơi cho vay ký sao y, đóng dấu*); Thẻ theo dõi giao dịch tiền vay (*mẫu 01/TL*);

- Trường hợp khách hàng là Tổ chức kinh tế thì bổ sung:

+ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực báo cáo tài chính 02 năm gần nhất: 02 bản;

+ Bản chính phương án phục hồi sản xuất – kinh doanh: 02 bản.

d) Số bộ hồ sơ: 02 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Tổng Giám đốc NHCSXH và báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị cho ý kiến đề tổng hợp trình Chủ tịch xem xét, quyết định).

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, hộ gia đình, Tổ chức kinh tế.

g) Cơ quan thực hiện thủ tục: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hội đồng quản trị NHCSXH.

- Cơ quan phối hợp: UBND xã; Tổ TK&VV (hoặc Chủ dự án); Tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác; Tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có).

h) Kết quả thực hiện: Chủ tịch Hội đồng quản trị NHCSXH thay mặt Hội đồng quản trị NHCSXH ký Quyết định khoan nợ.

i) Mức phí, tên phí: Không.

k) Mẫu đơn, tờ khai: Đơn đề nghị xử lý nợ (mẫu số 01/XLN).

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

- Khách hàng vay vốn sử dụng đúng mục đích ghi trong Hợp đồng tín dụng;
- Khách hàng bị rủi ro do: thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn; các dịch bệnh liên quan tới vật nuôi, cây trồng.

- Nhà nước thay đổi chính sách làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của khách hàng: không còn nguồn cung cấp nguyên vật liệu; mặt hàng sản xuất, kinh doanh bị cấm, bị hạn chế theo quy định của pháp luật; khách hàng phải thực hiện việc chuyển đổi sản xuất, kinh doanh theo quyết định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Mức thiệt hại về vốn, tài sản từ 80% đến 100%.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục:

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH;

- Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg ngày 11/03/2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/07/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

- Quyết định số 62/QĐ-HĐQT ngày 27/09/2021 của Hội đồng quản trị NHCSXH ban hành Quy định xử lý nợ rủi ro trong hệ thống NHCSXH. *m/*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐƠN ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ NỢ**

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

Tên tôi là:^(a)

Hiện cư trú tại:

Là thành viên của Tổ TK&VV (Dự án) do
ông (bà):^(b) làm Tổ trưởng (Chủ Dự án)

Tôi làm đơn này xin trình bày với Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) và các cơ quan chức năng nội dung sau:

1. Theo HĐTD (sổ Vay vốn) số....., ngày...../...../..... tôi/tổ chức kinh tế (TCKT) có đứng tên vay vốn chương trình tại NHCSXH.....

Số tiền vayđồng; Thời điểm nhận tiền vay.....; Hạn trả nợ:..... ; Mục đích vay vốn

Hiện nay, tôi còn nợ Ngân hàng số tiền: đồng
(Trong đó: Nợ gốc: đồng; Nợ lãi:đồng).

2. Trong thời gian vừa qua do:^(c).....

3. Số vốn, tài sản của dự án, phương án vay vốn bị thiệt hại như sau: ^(d)

- Số vốn và tài sản bị thiệt hạiđồng.

(Ghi rõ tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại):

- Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn).....đồng.

- Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản.....%.

4. Tình hình kinh tế, khả năng trả nợ Ngân hàng hiện nay của cá nhân (TCKT) và các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn sau khi gặp rủi ro: ^(d)

Vậy tôi làm đơn này đề nghị NHCSXH và các cơ quan chức năng xem xét ^(e) số nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan của tôi (TCKT), cụ thể:

- Số tiền đề nghị làđồng

(Trong đó: Nợ gốc:..... đồng; Nợ lãi:đồng)

- Thời gian đề nghị tháng

- Kế hoạch trả nợ:^(f)/...../..... số tiềnđồng

...../...../..... số tiềnđồng

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai trên đơn và các hồ sơ giấy tờ chứng minh là đúng,^M

Ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký ghi rõ họ tên, hoặc điểm chỉ;
Đóng dấu (nếu là tổ chức kinh tế))

Một số lưu ý khi lập mẫu số 01/XLN:

(a) Trường hợp người làm đơn không phải là người đứng tên vốn: phải ghi rõ mối quan hệ về nghĩa vụ, trách nhiệm liên quan theo quy định của người làm đơn với người đứng tên vay vốn.

(b) Ghi rõ tên tổ trưởng tổ TK&VV, chủ dự án, người đại diện hợp pháp của TCKT.

(c) Ghi cụ thể nguyên nhân khách quan dẫn đến rủi ro, nguyên nhân dẫn đến không có khả năng trả nợ/thu hồi nợ.

- Đối với trường hợp khách hàng bị rủi ro do các nguyên nhân khách quan quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm c khoản 4 Điều 5 ngoài việc phải ghi rõ nguyên nhân xảy ra rủi ro phải ghi rõ thời điểm xảy ra rủi ro.

- Đối với khoản nợ bổ sung và xóa nợ với nguyên nhân hết hạn khoản chưa hoặc không có khả năng trả nợ ghi cụ thể thời gian các lần được khoan nợ.

(d) Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản được xác định theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 7, riêng đối với trường hợp xóa nợ:

- Tại gạch đầu dòng thứ nhất mục 3 ghi: “không còn tài sản để trả nợ”. Phần tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại: bỏ trống

- Tại gạch đầu dòng thứ hai mục 3 ghi: “Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn) theo hồ sơ vay vốn”.

- Tại gạch đầu dòng thứ ba mục 3 ghi: “không còn tài sản, phương án, dự án vay vốn”.

(đ) Nêu cụ thể thực trạng và khả năng trả nợ (nêu rõ chưa có khả năng trả nợ hay không có khả năng trả nợ theo từng biện pháp xử lý) của khách hàng và các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn.

(e) Ghi rõ biện pháp đề nghị xử lý nợ (gia hạn nợ, khoan nợ, xóa nợ).

(f) Việc lập kế hoạch trả nợ chỉ áp dụng đối với trường hợp khách hàng đề nghị gia hạn nợ. *M*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Đề nghị xử lý nợ bị rủi ro

(Chương trình)

Hôm nay, ngày tháng..... năm, tại.....
chúng tôi gồm có:

1. Ông (bà)..... Chức vụ Đại diện
2. Ông (bà)..... Chức vụ Đại diện
3. Ông (bà)..... Chức vụ Đại diện
4. Ông (bà)..... Chức vụ Đại diện
5. Ông (bà)..... Chức vụ Đại diện
6. Ông (bà)..... Chức vụ Đại diện
7. Ông (bà)..... là khách hàng vay vốn.

Đã tiến hành thăm tra và lập biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro của ông (bà):..... địa chỉ.....

là đại diện hộ gia đình (khách hàng, tổ chức kinh tế) vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) theo HĐTD (Sổ Vay vốn) số.....ngày...../...../....., có mã món vay.....Cụ thể như sau:

I. Nguyên nhân khách hàng bị rủi ro: ^(a)

II. Xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản: ^(b)

1. Số vốn và tài sản bị thiệt hạiđồng.
(Ghi rõ tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại):
2. Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn)đồng.
3. Đánh giá mức độ thiệt hại về vốn và tài sản%.

III. Dư nợ tại NHCSXH đến ngày lập biên bản:

Tổng số nợ còn phải trả ngân hàng đến ngày lập biên bản..... đồng.
Trong đó: + Nợ gốc đồng.
+ Nợ lãi đồng.

IV. Đánh giá thực trạng dự án, phương án vay vốn, tài sản và khả năng trả nợ của khách hàng sau khi bị thiệt hại:

1. Đánh giá thực trạng dự án, phương án vay vốn; phương án khôi phục dự án vay vốn:

2. Tài sản hiện tại của khách hàng: ^(c)

3. Đánh giá tình trạng khả năng trả nợ của khách hàng và tất cả các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn: ^(d)

.....
4. Về việc áp dụng mọi biện pháp thu hồi nợ: ^(d)

.....
V. Đề xuất biện pháp xử lý:

Căn cứ vào quy chế xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan tại NHCSXH, thẩm tra tình hình thực tế của khách hàng và các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn, chúng tôi nhất trí xác nhận các nội dung trên là đúng và thống nhất đề nghị NHCSXH, các cơ quan có thẩm quyền xem xét ^(e)cho ông (bà).....với thời gian.....tháng, số tiền.....đồng.

Trong đó: + Nợ gốc đồng.

+ Nợ lãi đồng.

Biên bản này lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau và được các thành viên thống nhất thông qua ký tên dưới đây. *M*

Đại diện khách hàng vay vốn
(Ký ghi rõ họ tên hoặc điền chỉ, đóng dấu nếu là đại diện pháp nhân) ^(f)

Tổ trưởng Tổ TK&VV
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ tín dụng
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Đại diện UBND cấp xã
(Xác nhận, ký tên, đóng dấu) ^(g)

**Đại diện tổ chức Hội đoàn
thể nhận uỷ thác**
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện NHCSXH
(Ký tên, đóng dấu)

.....
.....
.....
Đại diện cơ quan công an cấp xã
(Xác nhận, ký tên, đóng dấu) ^(h)

.....
.....
.....
Đại diện tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có)
(Xác nhận, ký tên, đóng dấu) ⁽ⁱ⁾

Một số lưu ý khi lập mẫu số 02/XLN:

(a) Ghi cụ thể nguyên nhân khách quan dẫn đến rủi ro, nguyên nhân dẫn đến không có khả năng trả nợ/thu hồi nợ.

- Đối với trường hợp khách hàng bị rủi ro do các nguyên nhân khách quan quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm c khoản 4 Điều 5 ngoài việc phải ghi rõ nguyên nhân xảy ra rủi ro phải ghi rõ thời điểm xảy ra rủi ro.

- Đối với khoản nợ bổ sung và xóa nợ với nguyên nhân hết hạn khoan chưa hoặc không có khả năng trả nợ ghi cụ thể thời gian các lần được khoan nợ.

(b) Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản được xác định theo Quy định tại điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 7, riêng đối với trường hợp xóa nợ:

- Mục 1 ghi: “không còn tài sản để trả nợ”. Phần tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại: bỏ trống.

- Mục 2 ghi: “Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn) theo hồ sơ vay vốn”.

- Mục 3 ghi: “Không còn tài sản, phương án, dự án vay vốn”.

(c) Thực hiện đối với trường hợp xóa nợ: đánh giá tài sản hiện tại của khách hàng có tham chiếu với tài sản ghi trên hợp đồng vay vốn. Nêu nguyên nhân dẫn đến tình trạng không còn tài sản hoặc còn tài sản nhưng không thu hồi được. Đối với các khoản nợ bị chiếm dụng phải đánh giá tài sản của người chiếm dụng.

(d) Đối với các khoản nợ bị chiếm dụng (nếu có) thì đánh giá khả năng trả nợ, tình trạng của người chiếm dụng.

(đ) Đối với trường hợp xóa nợ: phải ghi rõ nội dung NHCSXH nơi cho vay và các tổ chức, cá nhân có liên quan xác nhận đã áp dụng mọi biện pháp thu hồi nợ nhưng không thu hồi được.

(e) Ghi rõ biện pháp đề nghị xử lý nợ (gia hạn nợ, khoan nợ, xóa nợ).

(f) Trường hợp khách hàng vay vốn không phải làm đơn đề nghị xử lý nợ theo quy định tại điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 8 phải ghi cụ thể nguyên nhân khách hàng không phải làm đơn. (VD: khách hàng chết, không còn các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn...).

(g) Ủy ban Nhân dân cấp xã xác nhận trong những trường hợp theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Quy định.

(h) Công an cấp xã xác nhận trong những trường hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Quy định.

(i) Ghi rõ tên cơ quan ký, xác nhận nội dung.

9. Xử lý khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan đối với trường hợp tất cả thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn vắng mặt tại nơi cư trú và không có thông tin xác thực về tung tích từ 02 năm trở lên.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Trường hợp khách hàng không phải làm đơn đề nghị xử lý nợ (mẫu số 01/XLN).

Bước 2. NHCSXH nơi thực hiện thủ tục

- Phối hợp với cá nhân, tổ chức có liên quan tiến hành thẩm tra, lập Biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro (mẫu số 02/XLN);

- Tổng hợp hồ sơ pháp lý và lập biểu tổng hợp đề nghị khoan nợ gửi NHCSXH cấp tỉnh.

Bước 3. NHCSXH cấp tỉnh, thẩm định, kiểm tra, kiểm soát hồ sơ pháp lý do Ngân hàng nơi cho vay trình, tổng hợp các khoản đề nghị khoan nợ của chi nhánh gửi Hội sở chính để kiểm tra. Tại Hội sở chính lập biểu tổng hợp trình Hội đồng quản trị NHCSXH xem xét, quyết định.

b) Cách thức thực hiện: Khách hàng gửi hồ sơ đến NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

c) Thành phần hồ sơ:

- Biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro (mẫu số 02/XLN): 02 bản chính;

- Giấy nhận nợ (Hợp đồng vay vốn/sổ vay vốn hoặc các giấy tờ nhận nợ khác): 02 bản sao (NHCSXH nơi cho vay ký sao y, đóng dấu); Thẻ theo dõi giao dịch tiền vay (mẫu 01/TL).

d) Số bộ hồ sơ: 02 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Tổng Giám đốc NHCSXH và báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị cho ý kiến để tổng hợp trình Chủ tịch xem xét, quyết định).

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, hộ gia đình.

g) Cơ quan thực hiện thủ tục: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hội đồng quản trị NHCSXH.

- Cơ quan phối hợp: UBND xã, Công an xã; Tổ TK&VV (hoặc Chủ dự án); Tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác; Tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có).

h) Kết quả thực hiện: Chủ tịch Hội đồng quản trị NHCSXH thay mặt Hội đồng quản trị NHCSXH ký Quyết định khoan nợ.

i) Mức phí, tên phí: Không.

k) Mẫu đơn, tờ khai: Không.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

- Khách hàng vay vốn sử dụng đúng mục đích ghi trong Hợp đồng tín dụng;

- Tất cả thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn vắng mặt tại nơi cư trú và không có thông tin xác thực về tung tích từ 02 năm liền trở lên.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục:

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH;

- Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg ngày 11/03/2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/07/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

- Quyết định số 62/QĐ-HĐQT ngày 27/09/2021 của Hội đồng quản trị NHCSXH ban hành Quy định xử lý nợ rủi ro trong hệ thống NHCSXH.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ NỢ

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

Tên tôi là:^(a)

Hiện cư trú tại:

Là thành viên của Tổ TK&VV (Dự án)

ông (bà):^(b) làm Tổ trưởng (Chủ Dự án)

Tôi làm đơn này xin trình bày với Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) và các cơ quan chức năng nội dung sau:

1. Theo HĐTD (sổ Vay vốn) số....., ngày...../...../..... tôi/tổ chức kinh tế (TCKT) có đứng tên vay vốn chương trình tại NHCSXH.....

Số tiền vayđồng; Thời điểm nhận tiền vay.....; Hạn trả nợ:..... ; Mục đích vay vốn

Hiện nay, tôi còn nợ Ngân hàng số tiền: đồng (Trong đó: Nợ gốc: đồng; Nợ lãi:đồng).

2. Trong thời gian vừa qua do:^(c)

3. Số vốn, tài sản của dự án, phương án vay vốn bị thiệt hại như sau: ^(d)

- Số vốn và tài sản bị thiệt hạiđồng.

(Ghi rõ tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại):

- Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn).....đồng.

- Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản.....%.

4. Tình hình kinh tế, khả năng trả nợ Ngân hàng hiện nay của cá nhân (TCKT) và các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn sau khi gặp rủi ro: ^(d)

Vậy tôi làm đơn này đề nghị NHCSXH và các cơ quan chức năng xem xét ^(e)..... số nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan của tôi (TCKT), cụ thể:

- Số tiền đề nghị làđồng

(Trong đó: Nợ gốc:..... đồng; Nợ lãi:đồng)

- Thời gian đề nghị tháng

- Kế hoạch trả nợ:^(f)/...../..... số tiềnđồng

...../...../..... số tiền đồng

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai trên đơn và các hồ sơ giấy tờ chứng minh là đúng.

Ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký ghi rõ họ tên, hoặc điểm chỉ;
Đóng dấu (nếu là tổ chức kinh tế))

Một số lưu ý khi lập mẫu số 01/XLN:

(a) Trường hợp người làm đơn không phải là người đứng tên vốn: phải ghi rõ mối quan hệ về nghĩa vụ, trách nhiệm liên quan theo quy định của người làm đơn với người đứng tên vay vốn.

(b) Ghi rõ tên tổ trưởng tổ TK&VV, chủ dự án, người đại diện hợp pháp của TCKT.

(c) Ghi cụ thể nguyên nhân khách quan dẫn đến rủi ro, nguyên nhân dẫn đến không có khả năng trả nợ/thu hồi nợ.

- Đối với trường hợp khách hàng bị rủi ro do các nguyên nhân khách quan quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm c khoản 4 Điều 5 ngoài việc phải ghi rõ nguyên nhân xảy ra rủi ro phải ghi rõ thời điểm xảy ra rủi ro.

- Đối với khoản nợ bổ sung và xóa nợ với nguyên nhân hết hạn khoan chưa hoặc không có khả năng trả nợ ghi cụ thể thời gian các lần được khoan nợ.

(d) Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản được xác định theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 7, riêng đối với trường hợp xóa nợ:

- Tại gạch đầu dòng thứ nhất mục 3 ghi: “không còn tài sản để trả nợ”. Phần tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại: bỏ trống

- Tại gạch đầu dòng thứ hai mục 3 ghi: “Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn) theo hồ sơ vay vốn”.

- Tại gạch đầu dòng thứ ba mục 3 ghi: “không còn tài sản, phương án, dự án vay vốn”.

(đ) Nêu cụ thể thực trạng và khả năng trả nợ (nêu rõ chưa có khả năng trả nợ hay không có khả năng trả nợ theo từng biện pháp xử lý) của khách hàng và các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn.

(e) Ghi rõ biện pháp đề nghị xử lý nợ (gia hạn nợ, khoan nợ, xóa nợ).

(f) Việc lập kế hoạch trả nợ chỉ áp dụng đối với trường hợp khách hàng đề nghị gia hạn nợ.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Đề nghị xử lý nợ bị rủi ro

(Chương trình)

Hôm nay, ngày tháng..... năm, tại.....
chúng tôi gồm có:

1. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
2. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
3. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
4. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
5. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
6. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
7. Ông (bà).....là khách hàng vay vốn.

Đã tiến hành thẩm tra và lập biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro của ông (bà):.....địa chỉ.....

là đại diện hộ gia đình (khách hàng, tổ chức kinh tế) vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) theo HĐTD (Số Vay vốn) số.....ngày...../...../....., có mã món vay.....Cụ thể như sau:

I. Nguyên nhân khách hàng bị rủi ro: ^(a)

II. Xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản: ^(b)

1. Số vốn và tài sản bị thiệt hạiđồng.
(Ghi rõ tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại):
2. Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn)đồng.
3. Đánh giá mức độ thiệt hại về vốn và tài sản%.

III. Dư nợ tại NHCSXH đến ngày lập biên bản:

Tổng số nợ còn phải trả ngân hàng đến ngày lập biên bản..... đồng.
Trong đó: + Nợ gốc đồng.
+ Nợ lãi đồng.

IV. Đánh giá thực trạng dự án, phương án vay vốn, tài sản và khả năng trả nợ của khách hàng sau khi bị thiệt hại:

1. Đánh giá thực trạng dự án, phương án vay vốn; phương án khôi phục dự án vay vốn:

2. Tài sản hiện tại của khách hàng: ^(c)

3. Đánh giá tình trạng khả năng trả nợ của khách hàng và tất cả các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn: ^(d)

4. Về việc áp dụng mọi biện pháp thu hồi nợ: ^(d)

V. Đề xuất biện pháp xử lý:

Căn cứ vào quy chế xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan tại NHCSXH, thẩm tra tình hình thực tế của khách hàng và các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn, chúng tôi nhất trí xác nhận các nội dung trên là đúng và thống nhất đề nghị NHCSXH, các cơ quan có thẩm quyền xem xét ^(e)cho ông (bà).....với thời gian.....tháng, số tiền.....đồng.

Trong đó: + Nợ gốc đồng.

+ Nợ lãi đồng.

Biên bản này lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau và được các thành viên thống nhất thông qua ký tên dưới đây, *M*

Đại diện khách hàng vay vốn
(Ký ghi rõ họ tên hoặc điền chỉ, đóng dấu nếu là đại diện pháp nhân) ^(f)

Tổ trưởng Tổ TK&VV
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ tín dụng
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Đại diện UBND cấp xã
(Xác nhận, ký tên, đóng dấu) ^(g)

**Đại diện tổ chức Hội đoàn
thể nhận ủy thác**
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện NHCSXH
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện cơ quan công an cấp xã
(Xác nhận, ký tên, đóng dấu) ^(h)

Đại diện tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có)
(Xác nhận, ký tên, đóng dấu) ⁽ⁱ⁾

Một số lưu ý khi lập mẫu số 02/XLN:

(a) Ghi cụ thể nguyên nhân khách quan dẫn đến rủi ro, nguyên nhân dẫn đến không có khả năng trả nợ/thu hồi nợ.

- Đối với trường hợp khách hàng bị rủi ro do các nguyên nhân khách quan quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm c khoản 4 Điều 5 ngoài việc phải ghi rõ nguyên nhân xảy ra rủi ro phải ghi rõ thời điểm xảy ra rủi ro.

- Đối với khoản nợ bổ sung và xóa nợ với nguyên nhân hết hạn khoản chưa hoặc không có khả năng trả nợ ghi cụ thể thời gian các lần được khoản nợ.

(b) Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản được xác định theo Quy định tại điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 7, riêng đối với trường hợp xóa nợ:

- Mục 1 ghi: “không còn tài sản để trả nợ”. Phần tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại: bỏ trống.

- Mục 2 ghi: “Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn) theo hồ sơ vay vốn”.

- Mục 3 ghi: “Không còn tài sản, phương án, dự án vay vốn”.

(c) Thực hiện đối với trường hợp xóa nợ: đánh giá tài sản hiện tại của khách hàng có tham chiếu với tài sản ghi trên hợp đồng vay vốn. Nếu nguyên nhân dẫn đến tình trạng không còn tài sản hoặc còn tài sản nhưng không thu hồi được. Đối với các khoản nợ bị chiếm dụng phải đánh giá tài sản của người chiếm dụng.

(d) Đối với các khoản nợ bị chiếm dụng (nếu có) thì đánh giá khả năng trả nợ, tình trạng của người chiếm dụng.

(đ) Đối với trường hợp xóa nợ: phải ghi rõ nội dung NHCSXH nơi cho vay và các tổ chức, cá nhân có liên quan xác nhận đã áp dụng mọi biện pháp thu hồi nợ nhưng không thu hồi được.

(e) Ghi rõ biện pháp đề nghị xử lý nợ (gia hạn nợ, khoan nợ, xóa nợ).

(f) Trường hợp khách hàng vay vốn không phải làm đơn đề nghị xử lý nợ theo quy định tại điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 8 phải ghi cụ thể nguyên nhân khách hàng không phải làm đơn. (VD: khách hàng chết, không còn các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn...).

(g) Ủy ban Nhân dân cấp xã xác nhận trong những trường hợp theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Quy định.

(h) Công an cấp xã xác nhận trong những trường hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Quy định.

(i) Ghi rõ tên cơ quan ký, xác nhận nội dung.

10. Xử lý khoản nợ bổ sung do nguyên nhân khách quan đối với trường hợp hết thời gian khoan nợ, khách hàng vẫn gặp khó khăn, chưa có khả năng trả nợ.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Khách hàng làm Đơn đề nghị xử lý nợ (*mẫu số 01/XLN*).

Bước 2. NHCSXH nơi thực hiện thủ tục

- Kiểm tra tính chính xác, hợp lệ, hợp pháp các giấy tờ do khách hàng gửi đảm bảo đúng thực tế của hồ sơ;

- Phối hợp với khách hàng, cá nhân, tổ chức có liên quan tiến hành thẩm tra, lập Biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro (*mẫu số 02/XLN*);

- Tổng hợp hồ sơ pháp lý và lập biểu tổng hợp đề nghị khoan nợ gửi NHCSXH cấp tỉnh.

Bước 3. NHCSXH cấp tỉnh, thẩm định, kiểm tra, kiểm soát hồ sơ pháp lý do Ngân hàng nơi cho vay trình, tổng hợp các khoản đề nghị khoan nợ của chi nhánh gửi Hội sở chính để kiểm tra. Tại Hội sở chính lập biểu tổng hợp trình Hội đồng quản trị NHCSXH xem xét, quyết định.

b) Cách thức thực hiện: Khách hàng gửi hồ sơ đến NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

c) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị xử lý nợ (*mẫu số 01/XLN*): 02 bản chính;

- Biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro (*mẫu số 02/XLN*): 02 bản chính;

- Giấy nhận nợ (Hợp đồng vay vốn/sổ vay vốn hoặc các giấy tờ nhận nợ khác): 02 bản sao (*NHCSXH nơi cho vay ký sao y, đóng dấu*); Thẻ theo dõi giao dịch tiền vay (*mẫu 01/TL*);

- Trường hợp khách hàng là Tổ chức kinh tế thì bổ sung:

+ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực báo cáo tài chính 02 năm gần nhất: 02 bản;

+ Bản chính phương án phục hồi sản xuất – kinh doanh: 02 bản.

d) Số bộ hồ sơ: 02 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Tổng Giám đốc NHCSXH và báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị cho ý kiến để tổng hợp trình Chủ tịch xem xét, quyết định).

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, hộ gia đình, Tổ chức kinh tế.

g) Cơ quan thực hiện thủ tục: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hội đồng quản trị NHCSXH.

- Cơ quan phối hợp: UBND xã; Tổ TK&VV (hoặc Chủ dự án); Tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác; Tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có).

h) Kết quả thực hiện: Chủ tịch Hội đồng quản trị NHCSXH thay mặt Hội đồng quản trị NHCSXH ký Quyết định khoan nợ.

i) Mức phí, tên phí: Không.

k) Mẫu đơn, tờ khai: Đơn đề nghị xử lý nợ (mẫu số 01/XLN).

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

- Khách hàng vay vốn sử dụng đúng mục đích ghi trong Hợp đồng tín dụng;
- Hết thời gian khoan nợ, khách hàng vẫn gặp khó khăn, chưa có khả năng trả nợ.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục:

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH;

- Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg ngày 11/03/2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/07/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

- Quyết định số 62/QĐ-HĐQT ngày 27/09/2021 của Hội đồng quản trị NHCSXH ban hành Quy định xử lý nợ rủi ro trong hệ thống NHCSXH. *M/*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ NỢ

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

Tên tôi là:^(a)

Hiện cư trú tại:

Là thành viên của Tổ TK&VV (Dự án) do ông (bà):^(b) làm Tổ trưởng (Chủ Dự án)

Tôi làm đơn này xin trình bày với Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) và các cơ quan chức năng nội dung sau:

1. Theo HĐTD (sổ Vay vốn) số....., ngày...../...../..... tôi/tổ chức kinh tế (TCKT) có đứng tên vay vốn chương trình tại NHCSXH.....

Số tiền vayđồng; Thời điểm nhận tiền vay.....; Hạn trả nợ:..... ; Mục đích vay vốn

Hiện nay, tôi còn nợ Ngân hàng số tiền: đồng (Trong đó: Nợ gốc: đồng; Nợ lãi:đồng).

2. Trong thời gian vừa qua do:^(c)

3. Số vốn, tài sản của dự án, phương án vay vốn bị thiệt hại như sau:^(d)

- Số vốn và tài sản bị thiệt hạiđồng.

(Ghi rõ tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại):

- Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn).....đồng.

- Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản.....%.

4. Tình hình kinh tế, khả năng trả nợ Ngân hàng hiện nay của cá nhân (TCKT) và các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn sau khi gặp rủi ro:^(d)

Vậy tôi làm đơn này đề nghị NHCSXH và các cơ quan chức năng xem xét^(e) số nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan của tôi (TCKT), cụ thể:

- Số tiền đề nghị làđồng

(Trong đó: Nợ gốc:..... đồng; Nợ lãi:đồng)

- Thời gian đề nghị tháng

- Kế hoạch trả nợ:^(f)/...../..... số tiềnđồng

...../...../..... số tiền đồng

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai trên đơn và các hồ sơ giấy tờ chứng minh là đúng.

Ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký ghi rõ họ tên, hoặc điểm chỉ;
Đóng dấu (nếu là tổ chức kinh tế))

Một số lưu ý khi lập mẫu số 01/XLN:

(a) Trường hợp người làm đơn không phải là người đứng tên vốn: phải ghi rõ mối quan hệ về nghĩa vụ, trách nhiệm liên quan theo quy định của người làm đơn với người đứng tên vay vốn.

(b) Ghi rõ tên tổ trưởng tổ TK&VV, chủ dự án, người đại diện hợp pháp của TCKT.

(c) Ghi cụ thể nguyên nhân khách quan dẫn đến rủi ro, nguyên nhân dẫn đến không có khả năng trả nợ/thu hồi nợ.

- Đối với trường hợp khách hàng bị rủi ro do các nguyên nhân khách quan quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm c khoản 4 Điều 5 ngoài việc phải ghi rõ nguyên nhân xảy ra rủi ro phải ghi rõ thời điểm xảy ra rủi ro.

- Đối với khoản nợ bổ sung và xóa nợ với nguyên nhân hết hạn khoản chưa hoặc không có khả năng trả nợ ghi cụ thể thời gian các lần được khoan nợ.

(d) Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản được xác định theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 7, riêng đối với trường hợp xóa nợ:

- Tại gạch đầu dòng thứ nhất mục 3 ghi: “không còn tài sản để trả nợ”. Phần tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại: bỏ trống

- Tại gạch đầu dòng thứ hai mục 3 ghi: “Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn) theo hồ sơ vay vốn”.

- Tại gạch đầu dòng thứ ba mục 3 ghi: “không còn tài sản, phương án, dự án vay vốn”.

(đ) Nêu cụ thể thực trạng và khả năng trả nợ (nêu rõ chưa có khả năng trả nợ hay không có khả năng trả nợ theo từng biện pháp xử lý) của khách hàng và các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn.

(e) Ghi rõ biện pháp đề nghị xử lý nợ (gia hạn nợ, khoan nợ, xóa nợ).

(f) Việc lập kế hoạch trả nợ chỉ áp dụng đối với trường hợp khách hàng đề nghị gia hạn nợ.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Đề nghị xử lý nợ bị rủi ro

(Chương trình)

Hôm nay, ngày tháng..... năm, tại.....
chúng tôi gồm có:

1. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
2. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
3. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
4. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
5. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
6. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
7. Ông (bà).....là khách hàng vay vốn.

Đã tiến hành thẩm tra và lập biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro của ông (bà):.....địa chỉ.....

là đại diện hộ gia đình (khách hàng, tổ chức kinh tế) vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) theo HĐTD (Số Vay vốn) số.....ngày...../...../....., có mã món vay.....Cụ thể như sau:

I. Nguyên nhân khách hàng bị rủi ro: ^(a)

II. Xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản: ^(b)

1. Số vốn và tài sản bị thiệt hạiđồng.

(Ghi rõ tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại):

2. Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn)đồng.
3. Đánh giá mức độ thiệt hại về vốn và tài sản%.

III. Dư nợ tại NHCSXH đến ngày lập biên bản:

Tổng số nợ còn phải trả ngân hàng đến ngày lập biên bản..... đồng.

Trong đó: + Nợ gốc đồng.

+ Nợ lãi đồng.

IV. Đánh giá thực trạng dự án, phương án vay vốn, tài sản và khả năng trả nợ của khách hàng sau khi bị thiệt hại:

1. Đánh giá thực trạng dự án, phương án vay vốn; phương án khôi phục dự án vay vốn:

2. Tài sản hiện tại của khách hàng: ^(c)

3. Đánh giá tình trạng khả năng trả nợ của khách hàng và tất cả các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn: ^(d)

4. Về việc áp dụng mọi biện pháp thu hồi nợ: ^(d)

V. Đề xuất biện pháp xử lý:

Căn cứ vào quy chế xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan tại NHCSXH, thẩm tra tình hình thực tế của khách hàng và các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn, chúng tôi nhất trí xác nhận các nội dung trên là đúng và thống nhất đề nghị NHCSXH, các cơ quan có thẩm quyền xem xét ^(e)cho ông (bà).....với thời gian.....tháng, số tiền.....đồng.

Trong đó: + Nợ gốc đồng.

+ Nợ lãi đồng.

Biên bản này lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau và được các thành viên thống nhất thông qua ký tên dưới đây. *M*

Đại diện khách hàng vay vốn
(Ký ghi rõ họ tên hoặc điền chỉ, đóng dấu nếu là đại diện pháp nhân) ^(f)

Tổ trưởng Tổ TK&VV
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ tín dụng
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Đại diện UBND cấp xã
(Xác nhận, ký tên, đóng dấu) ^(g)

**Đại diện tổ chức Hội đoàn
thể nhận uỷ thác**
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện NHCSXH
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện cơ quan công an cấp xã
(Xác nhận, ký tên, đóng dấu) ^(h)

Đại diện tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có)
(Xác nhận, ký tên, đóng dấu) ⁽ⁱ⁾

Một số lưu ý khi lập mẫu số 02/XLN:

(a) Ghi cụ thể nguyên nhân khách quan dẫn đến rủi ro, nguyên nhân dẫn đến không có khả năng trả nợ/thu hồi nợ.

- Đối với trường hợp khách hàng bị rủi ro do các nguyên nhân khách quan quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm c khoản 4 Điều 5 ngoài việc phải ghi rõ nguyên nhân xảy ra rủi ro phải ghi rõ thời điểm xảy ra rủi ro.

- Đối với khoản nợ bỏ sung và xóa nợ với nguyên nhân hết hạn khoan chưa hoặc không có khả năng trả nợ ghi cụ thể thời gian các lần được khoan nợ.

(b) Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản được xác định theo Quy định tại điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 7, riêng đối với trường hợp xóa nợ:

- Mục 1 ghi: “không còn tài sản để trả nợ”. Phần tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại: bỏ trống.

- Mục 2 ghi: “Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn) theo hồ sơ vay vốn”.

- Mục 3 ghi: “Không còn tài sản, phương án, dự án vay vốn”.

(c) Thực hiện đối với trường hợp xóa nợ: đánh giá tài sản hiện tại của khách hàng có tham chiếu với tài sản ghi trên hợp đồng vay vốn. Nêu nguyên nhân dẫn đến tình trạng không còn tài sản hoặc còn tài sản nhưng không thu hồi được. Đối với các khoản nợ bị chiếm dụng phải đánh giá tài sản của người chiếm dụng.

(d) Đối với các khoản nợ bị chiếm dụng (nếu có) thì đánh giá khả năng trả nợ, tình trạng của người chiếm dụng.

(đ) Đối với trường hợp xóa nợ: phải ghi rõ nội dung NHCSXH nơi cho vay và các tổ chức, cá nhân có liên quan xác nhận đã áp dụng mọi biện pháp thu hồi nợ nhưng không thu hồi được.

(e) Ghi rõ biện pháp đề nghị xử lý nợ (gia hạn nợ, khoan nợ, xóa nợ).

(f) Trường hợp khách hàng vay vốn không phải làm đơn đề nghị xử lý nợ theo quy định tại điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 8 phải ghi cụ thể nguyên nhân khách hàng không phải làm đơn. (VD: khách hàng chết, không còn các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn...).

(g) Ủy ban Nhân dân cấp xã xác nhận trong những trường hợp theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Quy định.

(h) Công an cấp xã xác nhận trong những trường hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Quy định.

(i) Ghi rõ tên cơ quan ký, xác nhận nội dung.

11. Xử lý xóa nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan đối với tất cả các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn bị rủi ro do một trong các nguyên nhân: Mắc bệnh tâm thần; mắc bệnh hiểm nghèo; mắc bệnh khác dẫn đến mất năng lực hành vi dân sự; có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; bị suy giảm khả năng lao động vĩnh viễn từ 81% trở lên; chết hoặc bị tuyên bố là đã chết; bị tuyên bố mất tích.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Khách hàng làm Đơn đề nghị xử lý nợ (*mẫu số 01/XLN*).

Trường hợp không phải có đơn đề nghị xử lý nợ: khách hàng chết; mất tích; vắng mặt tại nơi cư trú và không có thông tin xác thực về tung tích từ 02 năm liền trở lên đã hết thời gian khoan nợ; có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; mất năng lực hành vi dân sự; mắc bệnh tâm thần mà không còn các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn và trường hợp khách hàng bị tuyên bố phá sản hoặc giải thể theo quy định của pháp luật.

Bước 2. NHCSXH nơi thực hiện thủ tục

- Kiểm tra tính chính xác, hợp lệ, hợp pháp các giấy tờ do khách hàng gửi đảm bảo đúng thực tế của hồ sơ;

- Phối hợp với khách hàng, cá nhân, tổ chức có liên quan tiến hành thẩm tra, lập Biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro (*mẫu số 02/XLN*);

- Tổng hợp hồ sơ pháp lý và lập biểu tổng hợp đề nghị xóa nợ gửi NHCSXH cấp tỉnh.

Bước 3. NHCSXH cấp tỉnh, thẩm định, kiểm tra, kiểm soát hồ sơ pháp lý do Ngân hàng nơi cho vay trình, tổng hợp các khoản đề nghị xóa nợ của chi nhánh gửi Hội sở chính để kiểm tra. Tại Hội sở chính lập biểu tổng hợp trình Hội đồng quản trị NHCSXH xem xét, quyết định.

b) Cách thức thực hiện: Khách hàng gửi hồ sơ đến NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

c) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị xử lý nợ (*mẫu số 01/XLN*): 02 bản chính;

- Biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro (*mẫu số 02/XLN*): 02 bản chính;

- Giấy nhận nợ (Hợp đồng vay vốn/sổ vay vốn hoặc các giấy tờ nhận nợ khác): 02 bản sao (*NHCSXH nơi cho vay ký sao y, đóng dấu*); Thẻ theo dõi giao dịch tiền vay (*mẫu 01/TL*);

- Đối với các nguyên nhân rủi ro cụ thể, cần có thêm các giấy tờ sau:

+ Bản sao có chứng thực xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu tuyến huyện và tương đương trở lên đối với trường hợp khách hàng là cá nhân hoặc có thành viên trong hộ gia đình mắc bệnh hiểm nghèo; mắc bệnh tâm thần; mắc bệnh khác dẫn đến mất năng lực hành vi dân sự; bị bệnh cần chữa trị dài ngày; bị suy giảm khả năng lao động vĩnh viễn từ 81% trở lên: 02 bản;

+ Bản sao có chứng thực Quyết định của Tòa án về việc cá nhân có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự: 02 bản;

+ Bản sao có chứng thực giấy chứng tử hoặc Quyết định của Tòa án về việc tuyên bố cá nhân chết, mất tích: 02 bản.

d) Số bộ hồ sơ: 02 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Tổng Giám đốc NHCSXH và báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị cho ý kiến để tổng hợp trình Chủ tịch xem xét, quyết định).

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, hộ gia đình.

g) Cơ quan thực hiện thủ tục: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hội đồng quản trị NHCSXH;

- Cơ quan phối hợp: UBND xã; Tổ TK&VV (hoặc Chủ dự án); Tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác; Tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có).

h) Kết quả thực hiện: Chủ tịch Hội đồng quản trị NHCSXH thay mặt Hội đồng quản trị NHCSXH ký Quyết định xóa nợ.

i) Mức phí, tên phí: Không.

k) Mẫu đơn, tờ khai: Đơn đề nghị xử lý nợ (mẫu số 01/XLN).

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

- Khách hàng vay vốn sử dụng đúng mục đích ghi trong Hợp đồng tín dụng;

- Khách hàng không có khả năng trả nợ và tất cả các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng bị rủi ro do: Mắc bệnh tâm thần; mắc bệnh hiểm nghèo; mắc bệnh khác dẫn đến mất năng lực hành vi dân sự; có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; bị suy giảm khả năng lao động vĩnh viễn từ 81% trở lên; chết hoặc bị tuyên bố là đã chết; bị tuyên bố mất tích.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục:

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH;

- Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg ngày 11/03/2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/07/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

- Quyết định số 62/QĐ-HĐQT ngày 27/09/2021 của Hội đồng quản trị NHCSXH ban hành Quy định xử lý nợ rủi ro trong hệ thống NHCSXH.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ NỢ

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

Tên tôi là:^(a)

Hiện cư trú tại:

Là thành viên của Tổ TK&VV (Dự án) do
ông (bà):^(b) làm Tổ trưởng (Chủ Dự án)

Tôi làm đơn này xin trình bày với Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) và các cơ quan chức năng nội dung sau:

1. Theo HĐTD (sổ Vay vốn) số....., ngày...../...../..... tôi/tổ chức kinh tế (TCKT) có đứng tên vay vốn chương trình tại NHCSXH.....

Số tiền vayđồng; Thời điểm nhận tiền vay.....; Hạn trả nợ:..... ; Mục đích vay vốn

Hiện nay, tôi còn nợ Ngân hàng số tiền: đồng (Trong đó: Nợ gốc: đồng; Nợ lãi:đồng).

2. Trong thời gian vừa qua do:^(c)

3. Số vốn, tài sản của dự án, phương án vay vốn bị thiệt hại như sau: ^(d)

- Số vốn và tài sản bị thiệt hạiđồng.

(Ghi rõ tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại):

- Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn).....đồng.

- Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản.....%.

4. Tình hình kinh tế, khả năng trả nợ Ngân hàng hiện nay của cá nhân (TCKT) và các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn sau khi gặp rủi ro: ^(d)

Vậy tôi làm đơn này đề nghị NHCSXH và các cơ quan chức năng xem xét ^(e) số nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan của tôi (TCKT), cụ thể:

- Số tiền đề nghị làđồng

(Trong đó: Nợ gốc:..... đồng; Nợ lãi:đồng)

- Thời gian đề nghị tháng

- Kế hoạch trả nợ:^(f)/...../..... số tiềnđồng

...../...../..... số tiền đồng

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai trên đơn và các hồ sơ giấy tờ chứng minh là đúng,

Ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký ghi rõ họ tên, hoặc điểm chỉ;
Đóng dấu (nếu là tổ chức kinh tế))

Một số lưu ý khi lập mẫu số 01/XLN:

(a) Trường hợp người làm đơn không phải là người đứng tên vốn: phải ghi rõ mối quan hệ về nghĩa vụ, trách nhiệm liên quan theo quy định của người làm đơn với người đứng tên vay vốn.

(b) Ghi rõ tên tổ trưởng tổ TK&VV, chủ dự án, người đại diện hợp pháp của TCKT.

(c) Ghi cụ thể nguyên nhân khách quan dẫn đến rủi ro, nguyên nhân dẫn đến không có khả năng trả nợ/thu hồi nợ.

- Đối với trường hợp khách hàng bị rủi ro do các nguyên nhân khách quan quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm c khoản 4 Điều 5 ngoài việc phải ghi rõ nguyên nhân xảy ra rủi ro phải ghi rõ thời điểm xảy ra rủi ro.

- Đối với khoản nợ bổ sung và xóa nợ với nguyên nhân hết hạn khoản chưa hoặc không có khả năng trả nợ ghi cụ thể thời gian các lần được khoan nợ.

(d) Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản được xác định theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 7, riêng đối với trường hợp xóa nợ:

- Tại gạch đầu dòng thứ nhất mục 3 ghi: “không còn tài sản để trả nợ”. Phần tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại: bỏ trống

- Tại gạch đầu dòng thứ hai mục 3 ghi: “Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn) theo hồ sơ vay vốn”.

- Tại gạch đầu dòng thứ ba mục 3 ghi: “không còn tài sản, phương án, dự án vay vốn”.

(đ) Nêu cụ thể thực trạng và khả năng trả nợ (nêu rõ chưa có khả năng trả nợ hay không có khả năng trả nợ theo từng biện pháp xử lý) của khách hàng và các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn.

(e) Ghi rõ biện pháp đề nghị xử lý nợ (gia hạn nợ, khoan nợ, xóa nợ).

(f) Việc lập kế hoạch trả nợ chỉ áp dụng đối với trường hợp khách hàng đề nghị gia hạn nợ.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Đề nghị xử lý nợ bị rủi ro

(Chương trình)

Hôm nay, ngày tháng..... năm, tại.....
chúng tôi gồm có:

1. Ông (bà)..... Chức vụ Đại diện
2. Ông (bà)..... Chức vụ Đại diện
3. Ông (bà)..... Chức vụ Đại diện
4. Ông (bà)..... Chức vụ Đại diện
5. Ông (bà)..... Chức vụ Đại diện
6. Ông (bà)..... Chức vụ Đại diện
7. Ông (bà)..... là khách hàng vay vốn.

Đã tiến hành thẩm tra và lập biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro của ông (bà):..... địa chỉ.....

là đại diện hộ gia đình (khách hàng, tổ chức kinh tế) vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) theo HĐTD (Số Vay vốn) số..... ngày...../...../....., có mã món vay..... Cụ thể như sau:

I. Nguyên nhân khách hàng bị rủi ro: ^(a)

II. Xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản: ^(b)

1. Số vốn và tài sản bị thiệt hại đồng.
(Ghi rõ tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại):
2. Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn) đồng.
3. Đánh giá mức độ thiệt hại về vốn và tài sản %.

III. Dư nợ tại NHCSXH đến ngày lập biên bản:

Tổng số nợ còn phải trả ngân hàng đến ngày lập biên bản..... đồng.

Trong đó: + Nợ gốc đồng.

+ Nợ lãi đồng.

IV. Đánh giá thực trạng dự án, phương án vay vốn, tài sản và khả năng trả nợ của khách hàng sau khi bị thiệt hại:

1. Đánh giá thực trạng dự án, phương án vay vốn; phương án khôi phục dự án vay vốn:

2. Tài sản hiện tại của khách hàng: ^(c)

3. Đánh giá tình trạng khả năng trả nợ của khách hàng và tất cả các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn: ^(d)

4. Về việc áp dụng mọi biện pháp thu hồi nợ: ^(d)

V. Đề xuất biện pháp xử lý:

Căn cứ vào quy chế xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan tại NHCSXH, thẩm tra tình hình thực tế của khách hàng và các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn, chúng tôi nhất trí xác nhận các nội dung trên là đúng và thống nhất đề nghị NHCSXH, các cơ quan có thẩm quyền xem xét ^(e)cho ông (bà).....với thời gian.....tháng, số tiền.....đồng.

Trong đó: + Nợ gốc đồng.

+ Nợ lãi đồng.

Biên bản này lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau và được các thành viên thống nhất thông qua ký tên dưới đây, *ml*

Đại diện khách hàng vay vốn
(Ký ghi rõ họ tên hoặc điền chỉ, đóng dấu nếu là đại diện pháp nhân) ^(f)

Tổ trưởng Tổ TK&VV
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ tín dụng
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Đại diện UBND cấp xã
(Xác nhận, ký tên, đóng dấu) ^(g)

**Đại diện tổ chức Hội đoàn
thể nhận ủy thác**
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện NHCSXH
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện cơ quan công an cấp xã
(Xác nhận, ký tên, đóng dấu) ^(h)

Đại diện tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có)
(Xác nhận, ký tên, đóng dấu) ⁽ⁱ⁾

Một số lưu ý khi lập mẫu số 02/XLN:

(a) Ghi cụ thể nguyên nhân khách quan dẫn đến rủi ro, nguyên nhân dẫn đến không có khả năng trả nợ/thu hồi nợ.

- Đối với trường hợp khách hàng bị rủi ro do các nguyên nhân khách quan quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm c khoản 4 Điều 5 ngoài việc phải ghi rõ nguyên nhân xảy ra rủi ro phải ghi rõ thời điểm xảy ra rủi ro.

- Đối với khoản nợ bổ sung và xóa nợ với nguyên nhân hết hạn khoản chưa hoặc không có khả năng trả nợ ghi cụ thể thời gian các lần được khoan nợ.

(b) Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản được xác định theo Quy định tại điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 7, riêng đối với trường hợp xóa nợ:

- Mục 1 ghi: “không còn tài sản để trả nợ”. Phần tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại: bỏ trống.

- Mục 2 ghi: “Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn) theo hồ sơ vay vốn”.

- Mục 3 ghi: “Không còn tài sản, phương án, dự án vay vốn”.

(c) Thực hiện đối với trường hợp xóa nợ: đánh giá tài sản hiện tại của khách hàng có tham chiếu với tài sản ghi trên hợp đồng vay vốn. Nêu nguyên nhân dẫn đến tình trạng không còn tài sản hoặc còn tài sản nhưng không thu hồi được. Đối với các khoản nợ bị chiếm dụng phải đánh giá tài sản của người chiếm dụng.

(d) Đối với các khoản nợ bị chiếm dụng (nếu có) thì đánh giá khả năng trả nợ, tình trạng của người chiếm dụng.

(đ) Đối với trường hợp xóa nợ: phải ghi rõ nội dung NHCSXH nơi cho vay và các tổ chức, cá nhân có liên quan xác nhận đã áp dụng mọi biện pháp thu hồi nợ nhưng không thu hồi được.

(e) Ghi rõ biện pháp đề nghị xử lý nợ (gia hạn nợ, khoan nợ, xóa nợ).

(f) Trường hợp khách hàng vay vốn không phải làm đơn đề nghị xử lý nợ theo quy định tại điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 8 phải ghi cụ thể nguyên nhân khách hàng không phải làm đơn. (VD: khách hàng chết, không còn các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn...).

(g) Ủy ban Nhân dân cấp xã xác nhận trong những trường hợp theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Quy định.

(h) Công an cấp xã xác nhận trong những trường hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Quy định.

(i) Ghi rõ tên cơ quan ký, xác nhận nội dung.

12. Xử lý xóa nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan đối với các khoản nợ bị chiếm dụng mà người chiếm dụng chết, mất tích.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Trường hợp khách hàng không phải làm Đơn đề nghị xử lý nợ (mẫu số 01/XLN).

Bước 2. NHCSXH nơi thực hiện thủ tục

- Phối hợp với cá nhân, tổ chức có liên quan tiến hành thẩm tra, lập Biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro (mẫu số 02/XLN);

- Tổng hợp hồ sơ pháp lý và lập biểu tổng hợp đề nghị xóa nợ gửi NHCSXH cấp tỉnh.

Bước 3. NHCSXH cấp tỉnh, thẩm định, kiểm tra, kiểm soát hồ sơ pháp lý do Ngân hàng nơi cho vay trình, tổng hợp các khoản đề nghị xóa nợ của chi nhánh gửi Hội sở chính để kiểm tra. Tại Hội sở chính lập biểu tổng hợp trình Hội đồng quản trị NHCSXH xem xét, quyết định.

b) Cách thức thực hiện: Khách hàng gửi hồ sơ đến NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

c) Thành phần hồ sơ:

- Biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro (mẫu số 02/XLN): 02 bản chính;

- Giấy nhận nợ (Hợp đồng vay vốn/sổ vay vốn hoặc các giấy tờ nhận nợ khác): 02 bản sao (NHCSXH nơi cho vay ký sao y, đóng dấu); Thẻ theo dõi giao dịch tiền vay (mẫu 01/TL);

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng tử hoặc Quyết định tuyên bố chết, mất tích của Tòa án, kèm theo bộ hồ sơ đầy đủ về chứng cứ, chứng minh số tiền đã chiếm dụng có xác nhận của chính quyền cấp xã đối với trường hợp khoản nợ bị chiếm dụng mà người chiếm dụng chết, mất tích: 02 bản.

d) Số bộ hồ sơ: 02 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Tổng Giám đốc NHCSXH và báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị cho ý kiến để tổng hợp trình Chủ tịch xem xét, quyết định).

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, hộ gia đình.

g) Cơ quan thực hiện thủ tục: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hội đồng quản trị NHCSXH;

- Cơ quan phối hợp: UBND xã; Công an xã; Tòa án; Tổ TK&VV (hoặc Chủ dự án); Tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác; Tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có).

h) Kết quả thực hiện: Chủ tịch Hội đồng quản trị NHCSXH thay mặt Hội đồng quản trị NHCSXH ký Quyết định xóa nợ.

i) Mức phí, tên phí: Không.

k) Mẫu đơn, tờ khai: Không

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

- Người chiếm dụng chết, mất tích và không còn tài sản để trả nợ.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục:

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH;

- Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg ngày 11/03/2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/07/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

- Quyết định số 62/QĐ-HĐQT ngày 27/09/2021 của Hội đồng quản trị NHCSXH ban hành Quy định xử lý nợ rủi ro trong hệ thống NHCSXH.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ NỢ

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

Tên tôi là:^(a)

Hiện cư trú tại:

Là thành viên của Tổ TK&VV (Dự án) do ông (bà):^(b) làm Tổ trưởng (Chủ Dự án)

Tôi làm đơn này xin trình bày với Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) và các cơ quan chức năng nội dung sau:

1. Theo HĐTD (sổ Vay vốn) số....., ngày...../...../..... tôi/tô chức kinh tế (TCKT) có đứng tên vay vốn chương trình tại NHCSXH.....

Số tiền vayđồng; Thời điểm nhận tiền vay.....; Hạn trả nợ:..... ; Mục đích vay vốn

Hiện nay, tôi còn nợ Ngân hàng số tiền: đồng (Trong đó: Nợ gốc: đồng; Nợ lãi:đồng).

2. Trong thời gian vừa qua do:^(c)

3. Số vốn, tài sản của dự án, phương án vay vốn bị thiệt hại như sau: ^(d)

- Số vốn và tài sản bị thiệt hạiđồng.

(Ghi rõ tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại): :.....)

- Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn).....đồng.

- Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản.....%.

4. Tình hình kinh tế, khả năng trả nợ Ngân hàng hiện nay của cá nhân (TCKT) và các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn sau khi gặp rủi ro: ^(đ)

Vậy tôi làm đơn này đề nghị NHCSXH và các cơ quan chức năng xem xét ^(e) số nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan của tôi (TCKT), cụ thể:

- Số tiền đề nghị làđồng

(Trong đó: Nợ gốc:..... đồng; Nợ lãi:đồng)

- Thời gian đề nghị tháng

- Kế hoạch trả nợ:^(f)/...../..... số tiềnđồng

...../...../..... số tiền đồng

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai trên đơn và các hồ sơ giấy tờ chứng minh là đúng.

Ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký ghi rõ họ tên, hoặc điểm chỉ;
Đóng dấu (nếu là tổ chức kinh tế))

Một số lưu ý khi lập mẫu số 01/XLN:

(a) Trường hợp người làm đơn không phải là người đứng tên vốn: phải ghi rõ mối quan hệ về nghĩa vụ, trách nhiệm liên quan theo quy định của người làm đơn với người đứng tên vay vốn.

(b) Ghi rõ tên tổ trưởng tổ TK&VV, chủ dự án, người đại diện hợp pháp của TCKT.

(c) Ghi cụ thể nguyên nhân khách quan dẫn đến rủi ro, nguyên nhân dẫn đến không có khả năng trả nợ/thu hồi nợ.

- Đối với trường hợp khách hàng bị rủi ro do các nguyên nhân khách quan quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm c khoản 4 Điều 5 ngoài việc phải ghi rõ nguyên nhân xảy ra rủi ro phải ghi rõ thời điểm xảy ra rủi ro.

- Đối với khoản nợ bổ sung và xóa nợ với nguyên nhân hết hạn khoản chưa hoặc không có khả năng trả nợ ghi cụ thể thời gian các lần được khoan nợ.

(d) Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản được xác định theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 7, riêng đối với trường hợp xóa nợ:

- Tại gạch đầu dòng thứ nhất mục 3 ghi: “không còn tài sản để trả nợ”.
Phần tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại: bỏ trống

- Tại gạch đầu dòng thứ hai mục 3 ghi: “Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn) theo hồ sơ vay vốn”.

- Tại gạch đầu dòng thứ ba mục 3 ghi: “không còn tài sản, phương án, dự án vay vốn”.

(đ) Nêu cụ thể thực trạng và khả năng trả nợ (nêu rõ chưa có khả năng trả nợ hay không có khả năng trả nợ theo từng biện pháp xử lý) của khách hàng và các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn.

(e) Ghi rõ biện pháp đề nghị xử lý nợ (gia hạn nợ, khoan nợ, xóa nợ).

(f) Việc lập kế hoạch trả nợ chỉ áp dụng đối với trường hợp khách hàng đề nghị gia hạn nợ.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Đề nghị xử lý nợ bị rủi ro

(Chương trình)

Hôm nay, ngày tháng..... năm, tại.....
chúng tôi gồm có:

1. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
2. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
3. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
4. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
5. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
6. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
7. Ông (bà).....là khách hàng vay vốn.

Đã tiến hành thẩm tra và lập biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro của ông (bà):.....địa chỉ.....

là đại diện hộ gia đình (khách hàng, tổ chức kinh tế) vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) theo HĐTD (Sổ Vay vốn) số.....ngày...../...../....., có mã món vay.....Cụ thể như sau:

I. Nguyên nhân khách hàng bị rủi ro: ^(a)

II. Xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản: ^(b)

1. Số vốn và tài sản bị thiệt hạiđồng.

(Ghi rõ tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại):

2. Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn)đồng.

3. Đánh giá mức độ thiệt hại về vốn và tài sản%.

III. Dư nợ tại NHCSXH đến ngày lập biên bản:

Tổng số nợ còn phải trả ngân hàng đến ngày lập biên bản..... đồng.

Trong đó: + Nợ gốc đồng.

+ Nợ lãi đồng.

IV. Đánh giá thực trạng dự án, phương án vay vốn, tài sản và khả năng trả nợ của khách hàng sau khi bị thiệt hại:

1. Đánh giá thực trạng dự án, phương án vay vốn; phương án khôi phục dự án vay vốn:

2. Tài sản hiện tại của khách hàng: ^(c)

3. Đánh giá tình trạng khả năng trả nợ của khách hàng và tất cả các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn: ^(d)

4. Về việc áp dụng mọi biện pháp thu hồi nợ: ^(đ)

V. Đề xuất biện pháp xử lý:

Căn cứ vào quy chế xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan tại NHCSXH, thẩm tra tình hình thực tế của khách hàng và các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn, chúng tôi nhất trí xác nhận các nội dung trên là đúng và thống nhất đề nghị NHCSXH, các cơ quan có thẩm quyền xem xét ^(e)cho ông (bà).....với thời gian.....tháng, số tiền.....đồng.

Trong đó: + Nợ gốc đồng.

+ Nợ lãi đồng.

Biên bản này lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau và được các thành viên thống nhất thông qua ký tên dưới đây. *M*

Đại diện khách hàng vay vốn
(Ký ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ, đóng dấu nếu là đại diện pháp nhân) ^(f)

Tổ trưởng Tổ TK&VV
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ tín dụng
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Đại diện UBND cấp xã
(Xác nhận, ký tên, đóng dấu) ^(g)

**Đại diện tổ chức Hội đoàn
thể nhận uỷ thác**
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện NHCSXH
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện cơ quan công an cấp xã
(Xác nhận, ký tên, đóng dấu) ^(h)

Đại diện tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có)
(Xác nhận, ký tên, đóng dấu) ⁽ⁱ⁾

Một số lưu ý khi lập mẫu số 02/XLN:

(a) Ghi cụ thể nguyên nhân khách quan dẫn đến rủi ro, nguyên nhân dẫn đến không có khả năng trả nợ/thu hồi nợ.

- Đối với trường hợp khách hàng bị rủi ro do các nguyên nhân khách quan quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm c khoản 4 Điều 5 ngoài việc phải ghi rõ nguyên nhân xảy ra rủi ro phải ghi rõ thời điểm xảy ra rủi ro.

- Đối với khoản nợ bổ sung và xóa nợ với nguyên nhân hết hạn khoản chưa hoặc không có khả năng trả nợ ghi cụ thể thời gian các lần được khoan nợ.

(b) Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản được xác định theo Quy định tại điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 7, riêng đối với trường hợp xóa nợ:

- Mục 1 ghi: “không còn tài sản để trả nợ”. Phần tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại: bỏ trống.

- Mục 2 ghi: “Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn) theo hồ sơ vay vốn”.

- Mục 3 ghi: “Không còn tài sản, phương án, dự án vay vốn”.

(c) Thực hiện đối với trường hợp xóa nợ: đánh giá tài sản hiện tại của khách hàng có tham chiếu với tài sản ghi trên hợp đồng vay vốn. Nếu nguyên nhân dẫn đến tình trạng không còn tài sản hoặc còn tài sản nhưng không thu hồi được. Đối với các khoản nợ bị chiếm dụng phải đánh giá tài sản của người chiếm dụng.

(d) Đối với các khoản nợ bị chiếm dụng (nếu có) thì đánh giá khả năng trả nợ, tình trạng của người chiếm dụng.

(đ) Đối với trường hợp xóa nợ: phải ghi rõ nội dung NHCSXH nơi cho vay và các tổ chức, cá nhân có liên quan xác nhận đã áp dụng mọi biện pháp thu hồi nợ nhưng không thu hồi được.

(e) Ghi rõ biện pháp đề nghị xử lý nợ (gia hạn nợ, khoan nợ, xóa nợ).

(f) Trường hợp khách hàng vay vốn không phải làm đơn đề nghị xử lý nợ theo quy định tại điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 8 phải ghi cụ thể nguyên nhân khách hàng không phải làm đơn. (VD: khách hàng chết, không còn các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn...).

(g) Ủy ban Nhân dân cấp xã xác nhận trong những trường hợp theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Quy định.

(h) Công an cấp xã xác nhận trong những trường hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Quy định.

(i) Ghi rõ tên cơ quan ký, xác nhận nội dung *m*

13. Xử lý xóa nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng là pháp nhân, tổ chức kinh tế vay vốn bị phá sản, giải thể.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Trường hợp khách hàng không phải làm Đơn đề nghị xử lý nợ (mẫu số 01/XLN).

Bước 2. NHCSXH nơi thực hiện thủ tục

- Kiểm tra tính chính xác, hợp lệ, hợp pháp các giấy tờ do khách hàng gửi đảm bảo đúng thực tế của hồ sơ;

- Phối hợp với khách hàng, cá nhân, tổ chức có liên quan tiến hành thẩm tra, lập Biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro (mẫu số 02/XLN);

- Tổng hợp hồ sơ pháp lý và lập biểu tổng hợp đề nghị xóa nợ gửi NHCSXH cấp tỉnh.

Bước 3. NHCSXH cấp tỉnh, thẩm định, kiểm tra, kiểm soát hồ sơ pháp lý do Ngân hàng nơi cho vay trình, tổng hợp các khoản đề nghị xóa nợ của chi nhánh gửi Hội sở chính để kiểm tra. Tại Hội sở chính lập biểu tổng hợp trình Hội đồng quản trị NHCSXH xem xét, quyết định.

b) Cách thức thực hiện: Khách hàng gửi hồ sơ đến NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

c) Thành phần hồ sơ:

- Biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro (mẫu số 02/XLN): 02 bản chính;

- Giấy nhận nợ (Hợp đồng vay vốn/sổ vay vốn hoặc các giấy tờ nhận nợ khác): 02 bản sao (NHCSXH nơi cho vay ký sao y, đóng dấu); Thẻ theo dõi giao dịch tiền vay (mẫu 01/TL);

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc giải thể và các văn bản liên quan đến việc xử lý tài sản: 02 bản;

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án; tài liệu phân chia tài sản của chấp hành viên thể hiện số nợ thu hồi được hoặc không thu hồi được của NHCSXH; quyết định về việc đình chỉ thi hành quyết định tuyên bố phá sản của cơ quan thi hành án dân sự: 02 bản.

d) Số bộ hồ sơ: 02 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Tổng Giám đốc NHCSXH và báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị cho ý kiến để tổng hợp trình Chủ tịch xem xét, quyết định).

e) Đối tượng thực hiện: Tổ chức kinh tế.

g) Cơ quan thực hiện thủ tục: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hội đồng quản trị NHCSXH;

- Cơ quan phối hợp: UBND xã; Công an xã; cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc Tòa án; Tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có).

h) Kết quả thực hiện: Chủ tịch Hội đồng quản trị NHCSXH thay mặt Hội đồng quản trị NHCSXH ký Quyết định xóa nợ.

i) Mức phí, tên phí: Không.

k) Mẫu đơn, tờ khai: Không.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

- Khách hàng vay vốn sử dụng đúng mục đích ghi trong hợp đồng tín dụng;

- Khách hàng bị phá sản, giải thể theo quy định của pháp luật.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục:

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH;

- Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg ngày 11/03/2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/07/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

- Quyết định số 62/QĐ-HĐQT ngày 27/09/2021 của Hội đồng quản trị NHCSXH ban hành Quy định xử lý nợ rủi ro trong hệ thống NHCSXH. *Me*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ NỢ

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

Tên tôi là:^(a)

Hiện cư trú tại:

Là thành viên của Tổ TK&VV (Dự án) do
ông (bà): ^(b) làm Tổ trưởng (Chủ Dự án)

Tôi làm đơn này xin trình bày với Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) và các cơ quan chức năng nội dung sau:

1. Theo HĐTD (sổ Vay vốn) số....., ngày...../...../..... tôi/tổ chức kinh tế (TCKT) có đứng tên vay vốn chương trình tại NHCSXH.....

Số tiền vayđồng; Thời điểm nhận tiền vay.....; Hạn trả nợ:..... ; Mục đích vay vốn

Hiện nay, tôi còn nợ Ngân hàng số tiền: đồng
(Trong đó: Nợ gốc: đồng; Nợ lãi:đồng).

2. Trong thời gian vừa qua do:^(c)

3. Số vốn, tài sản của dự án, phương án vay vốn bị thiệt hại như sau: ^(d)

- Số vốn và tài sản bị thiệt hạiđồng.

(Ghi rõ tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại).

- Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn).....đồng.

- Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản.....%.

4. Tình hình kinh tế, khả năng trả nợ Ngân hàng hiện nay của cá nhân (TCKT) và các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn sau khi gặp rủi ro: ^(d)

Vậy tôi làm đơn này đề nghị NHCSXH và các cơ quan chức năng xem xét ^(e) số nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan của tôi (TCKT), cụ thể:

- Số tiền đề nghị làđồng

(Trong đó: Nợ gốc:..... đồng; Nợ lãi:đồng)

- Thời gian đề nghị tháng

- Kế hoạch trả nợ:^(f)/...../..... số tiềnđồng

...../...../..... số tiền đồng

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai trên đơn và các hồ sơ giấy tờ chứng minh là đúng.

Ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký ghi rõ họ tên, hoặc điểm chỉ;
Đóng dấu (nếu là tổ chức kinh tế))

Một số lưu ý khi lập mẫu số 01/XLN:

(a) Trường hợp người làm đơn không phải là người đứng tên vốn: phải ghi rõ mối quan hệ về nghĩa vụ, trách nhiệm liên quan theo quy định của người làm đơn với người đứng tên vay vốn.

(b) Ghi rõ tên tổ trưởng tổ TK&VV, chủ dự án, người đại diện hợp pháp của TCKT.

(c) Ghi cụ thể nguyên nhân khách quan dẫn đến rủi ro, nguyên nhân dẫn đến không có khả năng trả nợ/thu hồi nợ.

- Đối với trường hợp khách hàng bị rủi ro do các nguyên nhân khách quan quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm c khoản 4 Điều 5 ngoài việc phải ghi rõ nguyên nhân xảy ra rủi ro phải ghi rõ thời điểm xảy ra rủi ro.

- Đối với khoản nợ bổ sung và xóa nợ với nguyên nhân hết hạn khoản chưa hoặc không có khả năng trả nợ ghi cụ thể thời gian các lần được khoan nợ.

(d) Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản được xác định theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 7, riêng đối với trường hợp xóa nợ:

- Tại gạch đầu dòng thứ nhất mục 3 ghi: “không còn tài sản để trả nợ”.
Phần tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại: bỏ trống

- Tại gạch đầu dòng thứ hai mục 3 ghi: “Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn) theo hồ sơ vay vốn”.

- Tại gạch đầu dòng thứ ba mục 3 ghi: “không còn tài sản, phương án, dự án vay vốn”.

(đ) Nêu cụ thể thực trạng và khả năng trả nợ (nêu rõ chưa có khả năng trả nợ hay không có khả năng trả nợ theo từng biện pháp xử lý) của khách hàng và các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn.

(e) Ghi rõ biện pháp đề nghị xử lý nợ (gia hạn nợ, khoan nợ, xóa nợ).

(f) Việc lập kế hoạch trả nợ chỉ áp dụng đối với trường hợp khách hàng đề nghị gia hạn nợ. *M*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Đề nghị xử lý nợ bị rủi ro

(Chương trình

Hôm nay, ngày tháng..... năm, tại.....
chúng tôi gồm có:

1. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
2. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
3. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
4. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
5. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
6. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
7. Ông (bà).....là khách hàng vay vốn.

Đã tiến hành thẩm tra và lập biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro của ông (bà):.....địa chỉ.....

là đại diện hộ gia đình (khách hàng, tổ chức kinh tế) vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) theo HĐTD (Số Vay vốn) số.....ngày...../...../....., có mã món vay.....Cụ thể như sau:

I. Nguyên nhân khách hàng bị rủi ro: ^(a)

II. Xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản: ^(b)

1. Số vốn và tài sản bị thiệt hạiđồng.
(Ghi rõ tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại):
2. Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn)đồng.
3. Đánh giá mức độ thiệt hại về vốn và tài sản%.

III. Dư nợ tại NHCSXH đến ngày lập biên bản:

Tổng số nợ còn phải trả ngân hàng đến ngày lập biên bản..... đồng.

Trong đó: + Nợ gốc đồng.

+ Nợ lãi đồng.

IV. Đánh giá thực trạng dự án, phương án vay vốn, tài sản và khả năng trả nợ của khách hàng sau khi bị thiệt hại:

1. Đánh giá thực trạng dự án, phương án vay vốn; phương án khôi phục dự án vay vốn:

2. Tài sản hiện tại của khách hàng: ^(c)

3. Đánh giá tình trạng khả năng trả nợ của khách hàng và tất cả các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn: ^(d)

4. Về việc áp dụng mọi biện pháp thu hồi nợ: ^(d)

V. Đề xuất biện pháp xử lý:

Căn cứ vào quy chế xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan tại NHCSXH, thẩm tra tình hình thực tế của khách hàng và các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn, chúng tôi nhất trí xác nhận các nội dung trên là đúng và thống nhất đề nghị NHCSXH, các cơ quan có thẩm quyền xem xét ^(e)cho ông (bà).....với thời gian.....tháng, số tiền.....đồng.

Trong đó: + Nợ gốc đồng.

+ Nợ lãi đồng.

Biên bản này lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau và được các thành viên thống nhất thông qua ký tên dưới đây, *TV*

Đại diện khách hàng vay vốn
(Ký ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ, đóng dấu nếu là đại diện pháp nhân) ^(f)

Tổ trưởng Tổ TK&VV
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ tín dụng
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Đại diện UBND cấp xã
(Xác nhận, ký tên, đóng dấu) ^(g)

**Đại diện tổ chức Hội đoàn
thể nhận ủy thác**
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện NHCSXH
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện cơ quan công an cấp xã
(Xác nhận, ký tên, đóng dấu) ^(h)

Đại diện tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có)
(Xác nhận, ký tên, đóng dấu) ⁽ⁱ⁾

Một số lưu ý khi lập mẫu số 02/XLN:

(a) Ghi cụ thể nguyên nhân khách quan dẫn đến rủi ro, nguyên nhân dẫn đến không có khả năng trả nợ/thu hồi nợ.

- Đối với trường hợp khách hàng bị rủi ro do các nguyên nhân khách quan quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm c khoản 4 Điều 5 ngoài việc phải ghi rõ nguyên nhân xảy ra rủi ro phải ghi rõ thời điểm xảy ra rủi ro.

- Đối với khoản nợ bổ sung và xóa nợ với nguyên nhân hết hạn khoản chưa hoặc không có khả năng trả nợ ghi cụ thể thời gian các lần được khoản nợ.

(b) Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản được xác định theo Quy định tại điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 7, riêng đối với trường hợp xóa nợ:

- Mục 1 ghi: “không còn tài sản để trả nợ”. Phần tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại: bỏ trống.

- Mục 2 ghi: “Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn) theo hồ sơ vay vốn”.

- Mục 3 ghi: “Không còn tài sản, phương án, dự án vay vốn”.

(c) Thực hiện đối với trường hợp xóa nợ: đánh giá tài sản hiện tại của khách hàng có tham chiếu với tài sản ghi trên hợp đồng vay vốn. Nêu nguyên nhân dẫn đến tình trạng không còn tài sản hoặc còn tài sản nhưng không thu hồi được. Đối với các khoản nợ bị chiếm dụng phải đánh giá tài sản của người chiếm dụng.

(d) Đối với các khoản nợ bị chiếm dụng (nếu có) thì đánh giá khả năng trả nợ, tình trạng của người chiếm dụng.

(đ) Đối với trường hợp xóa nợ: phải ghi rõ nội dung NHCSXH nơi cho vay và các tổ chức, cá nhân có liên quan xác nhận đã áp dụng mọi biện pháp thu hồi nợ nhưng không thu hồi được.

(e) Ghi rõ biện pháp đề nghị xử lý nợ (gia hạn nợ, khoan nợ, xóa nợ).

(f) Trường hợp khách hàng vay vốn không phải làm đơn đề nghị xử lý nợ theo quy định tại điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 8 phải ghi cụ thể nguyên nhân khách hàng không phải làm đơn. (VD: khách hàng chết, không còn các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn...).

(g) Ủy ban Nhân dân cấp xã xác nhận trong những trường hợp theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Quy định.

(h) Công an cấp xã xác nhận trong những trường hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Quy định.

(i) Ghi rõ tên cơ quan ký, xác nhận nội dung.

14. Xử lý xóa nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan đối với khách hàng sau khi hết thời gian khoan nợ vẫn không có khả năng trả nợ.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Khách hàng làm Đơn đề nghị xử lý nợ (*mẫu số 01/XLN*).

Bước 2. NHCSXH nơi thực hiện thủ tục

- Kiểm tra tính chính xác, hợp lệ, hợp pháp các giấy tờ do khách hàng gửi đảm bảo đúng thực tế của hồ sơ;

- Phối hợp với khách hàng, cá nhân, tổ chức có liên quan tiến hành thẩm tra, lập Biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro (*mẫu số 02/XLN*);

- Tổng hợp hồ sơ pháp lý và lập biểu tổng hợp đề nghị xóa nợ gửi NHCSXH cấp tỉnh.

Bước 3. NHCSXH cấp tỉnh, thẩm định, kiểm tra, kiểm soát hồ sơ pháp lý do Ngân hàng nơi cho vay trình, tổng hợp các khoản đề nghị xóa nợ của chi nhánh gửi Hội sở chính để kiểm tra. Tại Hội sở chính lập biểu tổng hợp trình Hội đồng quản trị NHCSXH xem xét, quyết định.

b) Cách thức thực hiện: Khách hàng gửi hồ sơ đến NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

c) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị xử lý nợ (*mẫu số 01/XLN*): 02 bản chính;

- Biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro (*mẫu số 02/XLN*): 02 bản chính;

- Giấy nhận nợ (Hợp đồng vay vốn/sổ vay vốn hoặc các giấy tờ nhận nợ khác): 02 bản sao (*NHCSXH nơi cho vay ký sao y, đóng dấu*); Thẻ theo dõi giao dịch tiền vay (*mẫu 01/TL*);

- Trường hợp khách hàng là Tổ chức kinh tế thì bổ sung:

+ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực báo cáo tài chính 02 năm gần nhất: 02 bản;

+ Bản chính phương án phục hồi sản xuất – kinh doanh: 02 bản.

d) Số bộ hồ sơ: 02 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Tổng Giám đốc NHCSXH và báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị cho ý kiến để tổng hợp trình Chủ tịch xem xét, quyết định).

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, hộ gia đình, Tổ chức kinh tế.

g) Cơ quan thực hiện thủ tục: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hội đồng quản trị NHCSXH;

- Cơ quan phối hợp: UBND xã; Tổ TK&VV (hoặc Chủ dự án); Tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác; Tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có).

h) Kết quả thực hiện: Chủ tịch Hội đồng quản trị NHCSXH thay mặt Hội đồng quản trị NHCSXH ký Quyết định xóa nợ

i) Mức phí, tên phí: Không.

k) Mẫu đơn, tờ khai: Đơn đề nghị xử lý nợ (mẫu số 01/XLN).

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

- Khách hàng vay vốn sử dụng đúng mục đích ghi trong Hợp đồng tín dụng;

- Khách hàng không có khả năng trả nợ sau khi đã hết thời gian khoan nợ.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục:

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH;

- Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg ngày 11/03/2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/07/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

- Quyết định số 62/QĐ-HĐQT ngày 27/09/2021 của Hội đồng quản trị NHCSXH ban hành Quy định xử lý nợ rủi ro trong hệ thống NHCSXH.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ NỢ**

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

Tên tôi là:^(a)

Hiện cư trú tại:

Là thành viên của Tổ TK&VV (Dự án) do ông (bà):^(b) làm Tổ trưởng (Chủ Dự án)

Tôi làm đơn này xin trình bày với Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) và các cơ quan chức năng nội dung sau:

1. Theo HĐTD (số Vay vốn) số....., ngày...../...../..... tôi/tổ chức kinh tế (TCKT) có đứng tên vay vốn chương trình tại NHCSXH.....

Số tiền vayđồng; Thời điểm nhận tiền vay.....; Hạn trả nợ:..... ; Mục đích vay vốn

Hiện nay, tôi còn nợ Ngân hàng số tiền: đồng (Trong đó: Nợ gốc: đồng; Nợ lãi:đồng).

2. Trong thời gian vừa qua do:^(c)

3. Số vốn, tài sản của dự án, phương án vay vốn bị thiệt hại như sau: ^(d)

- Số vốn và tài sản bị thiệt hạiđồng.

(Ghi rõ tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại):

- Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn).....đồng.

- Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản.....%.

4. Tình hình kinh tế, khả năng trả nợ Ngân hàng hiện nay của cá nhân (TCKT) và các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn sau khi gặp rủi ro: ^(đ)

Vậy tôi làm đơn này đề nghị NHCSXH và các cơ quan chức năng xem xét ^(e) số nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan của tôi (TCKT), cụ thể:

- Số tiền đề nghị làđồng

(Trong đó: Nợ gốc:..... đồng; Nợ lãi:đồng)

- Thời gian đề nghị tháng

- Kế hoạch trả nợ:^(f)/...../..... số tiềnđồng

...../...../..... số tiềnđồng

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai trên đơn và các hồ sơ giấy tờ chứng minh là đúng. *M*

Ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký ghi rõ họ tên, hoặc điểm chỉ;
Đóng dấu (nếu là tổ chức kinh tế))

Một số lưu ý khi lập mẫu số 01/XLN:

(a) Trường hợp người làm đơn không phải là người đứng tên vốn: phải ghi rõ mối quan hệ về nghĩa vụ, trách nhiệm liên quan theo quy định của người làm đơn với người đứng tên vay vốn.

(b) Ghi rõ tên tổ trưởng tổ TK&VV, chủ dự án, người đại diện hợp pháp của TCKT.

(c) Ghi cụ thể nguyên nhân khách quan dẫn đến rủi ro, nguyên nhân dẫn đến không có khả năng trả nợ/thu hồi nợ.

- Đối với trường hợp khách hàng bị rủi ro do các nguyên nhân khách quan quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm c khoản 4 Điều 5 ngoài việc phải ghi rõ nguyên nhân xảy ra rủi ro phải ghi rõ thời điểm xảy ra rủi ro.

- Đối với khoản nợ bổ sung và xóa nợ với nguyên nhân hết hạn khoản chưa hoặc không có khả năng trả nợ ghi cụ thể thời gian các lần được khoan nợ.

(d) Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản được xác định theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 7, riêng đối với trường hợp xóa nợ:

- Tại gạch đầu dòng thứ nhất mục 3 ghi: “không còn tài sản để trả nợ”.
Phần tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại: bỏ trống

- Tại gạch đầu dòng thứ hai mục 3 ghi: “Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn) theo hồ sơ vay vốn”.

- Tại gạch đầu dòng thứ ba mục 3 ghi: “không còn tài sản, phương án, dự án vay vốn”.

(đ) Nêu cụ thể thực trạng và khả năng trả nợ (nêu rõ chưa có khả năng trả nợ hay không có khả năng trả nợ theo từng biện pháp xử lý) của khách hàng và các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn.

(e) Ghi rõ biện pháp đề nghị xử lý nợ (gia hạn nợ, khoan nợ, xóa nợ).

(f) Việc lập kế hoạch trả nợ chỉ áp dụng đối với trường hợp khách hàng đề nghị gia hạn nợ.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Đề nghị xử lý nợ bị rủi ro

(Chương trình)

Hôm nay, ngày tháng..... năm, tại.....
chúng tôi gồm có:

1. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
2. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
3. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
4. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
5. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
6. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
7. Ông (bà).....là khách hàng vay vốn.

Đã tiến hành thẩm tra và lập biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro của ông (bà):.....địa chỉ.....

là đại diện hộ gia đình (khách hàng, tổ chức kinh tế) vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) theo HĐTD (Số Vay vốn) số.....ngày...../...../....., có mã món vay.....Cụ thể như sau:

I. Nguyên nhân khách hàng bị rủi ro: ^(a)

II. Xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản: ^(b)

1. Số vốn và tài sản bị thiệt hại đồng.

(Ghi rõ tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại):

2. Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn) đồng.

3. Đánh giá mức độ thiệt hại về vốn và tài sản%.

III. Dư nợ tại NHCSXH đến ngày lập biên bản:

Tổng số nợ còn phải trả ngân hàng đến ngày lập biên bản..... đồng.

Trong đó: + Nợ gốc đồng.

+ Nợ lãi đồng.

IV. Đánh giá thực trạng dự án, phương án vay vốn, tài sản và khả năng trả nợ của khách hàng sau khi bị thiệt hại:

1. Đánh giá thực trạng dự án, phương án vay vốn; phương án khôi phục dự án vay vốn:

2. Tài sản hiện tại của khách hàng: ^(c)

3. Đánh giá tình trạng khả năng trả nợ của khách hàng và tất cả các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn: ^(d)

4. Về việc áp dụng mọi biện pháp thu hồi nợ: ^(đ).....

V. Đề xuất biện pháp xử lý:

Căn cứ vào quy chế xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan tại NHCSXH, thẩm tra tình hình thực tế của khách hàng và các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn, chúng tôi nhất trí xác nhận các nội dung trên là đúng và thống nhất đề nghị NHCSXH, các cơ quan có thẩm quyền xem xét ^(e)cho ông (bà).....với thời gian.....tháng, số tiền.....đồng.

Trong đó: + Nợ gốc đồng.

+ Nợ lãi đồng.

Biên bản này lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau và được các thành viên thống nhất thông qua ký tên dưới đây. *M*

Đại diện khách hàng vay vốn
(Ký ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ, đóng dấu nếu là đại diện pháp nhân) ^(f)

Tổ trưởng Tổ TK&VV
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ tín dụng
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Đại diện UBND cấp xã
(Xác nhận, ký tên, đóng dấu) ^(g)

**Đại diện tổ chức Hội đoàn
thể nhận uỷ thác**
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện NHCSXH
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện cơ quan công an cấp xã
(Xác nhận, ký tên, đóng dấu) ^(h)

Đại diện tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có)
(Xác nhận, ký tên, đóng dấu) ⁽ⁱ⁾

Một số lưu ý khi lập mẫu số 02/XLN:

(a) Ghi cụ thể nguyên nhân khách quan dẫn đến rủi ro, nguyên nhân dẫn đến không có khả năng trả nợ/thu hồi nợ.

- Đối với trường hợp khách hàng bị rủi ro do các nguyên nhân khách quan quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm c khoản 4 Điều 5 ngoài việc phải ghi rõ nguyên nhân xảy ra rủi ro phải ghi rõ thời điểm xảy ra rủi ro.

- Đối với khoản nợ bổ sung và xóa nợ với nguyên nhân hết hạn khoản chưa hoặc không có khả năng trả nợ ghi cụ thể thời gian các lần được khoản nợ.

(b) Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản được xác định theo Quy định tại điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 7, riêng đối với trường hợp xóa nợ:

- Mục 1 ghi: “không còn tài sản để trả nợ”. Phần tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại: bỏ trống.

- Mục 2 ghi: “Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn) theo hồ sơ vay vốn”.

- Mục 3 ghi: “Không còn tài sản, phương án, dự án vay vốn”.

(c) Thực hiện đối với trường hợp xóa nợ: đánh giá tài sản hiện tại của khách hàng có tham chiếu với tài sản ghi trên hợp đồng vay vốn. Nêu nguyên nhân dẫn đến tình trạng không còn tài sản hoặc còn tài sản nhưng không thu hồi được. Đối với các khoản nợ bị chiếm dụng phải đánh giá tài sản của người chiếm dụng.

(d) Đối với các khoản nợ bị chiếm dụng (nếu có) thì đánh giá khả năng trả nợ, tình trạng của người chiếm dụng.

(đ) Đối với trường hợp xóa nợ: phải ghi rõ nội dung NHCSXH nơi cho vay và các tổ chức, cá nhân có liên quan xác nhận đã áp dụng mọi biện pháp thu hồi nợ nhưng không thu hồi được.

(e) Ghi rõ biện pháp đề nghị xử lý nợ (gia hạn nợ, khoan nợ, xóa nợ).

(f) Trường hợp khách hàng vay vốn không phải làm đơn đề nghị xử lý nợ theo quy định tại điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 8 phải ghi cụ thể nguyên nhân khách hàng không phải làm đơn. (VD: khách hàng chết, không còn các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn...).

(g) Ủy ban Nhân dân cấp xã xác nhận trong những trường hợp theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Quy định.

(h) Công an cấp xã xác nhận trong những trường hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Quy định.

(i) Ghi rõ tên cơ quan ký, xác nhận nội dung.

15. Xử lý xóa nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan đối với các khoản nợ nhận bàn giao từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Công thương Việt Nam và Kho bạc Nhà nước.

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Khách hàng làm Đơn đề nghị xử lý nợ (*mẫu số 01/XLN*).

Bước 2. NHCSXH nơi thực hiện thủ tục

- Kiểm tra tính chính xác, hợp lệ, hợp pháp các giấy tờ do khách hàng gửi đảm bảo đúng thực tế của hồ sơ;

- Phôi hợp với khách hàng, cá nhân, tổ chức có liên quan tiến hành thẩm tra, lập Biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro (*mẫu số 02/XLN*);

- Tổng hợp hồ sơ pháp lý và lập biểu tổng hợp đề nghị xóa nợ gửi NHCSXH cấp tỉnh.

Bước 3. NHCSXH cấp tỉnh, thẩm định, kiểm tra, kiểm soát hồ sơ pháp lý do Ngân hàng nơi cho vay trình, tổng hợp các khoản đề nghị xóa nợ của chi nhánh gửi Hội sở chính để kiểm tra. Tại Hội sở chính lập biểu tổng hợp trình Hội đồng quản trị NHCSXH xem xét, quyết định.

b) Cách thức thực hiện: Khách hàng gửi hồ sơ đến NHCSXH nơi thực hiện thủ tục.

c) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị xử lý nợ (*mẫu số 01/XLN*): 02 bản chính;

- Biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro (*mẫu số 02/XLN*): 02 bản chính;

- Giấy nhận nợ (Hợp đồng vay vốn/sổ vay vốn hoặc các giấy tờ nhận nợ khác): 02 bản sao (*NHCSXH nơi cho vay ký sao y, đóng dấu*); Thẻ theo dõi giao dịch tiền vay (*mẫu 01/TL*);

- Biên bản xác nhận dư nợ trên sổ Kế toán (*mẫu 16/XLN*) đối với: Trường hợp các khoản nợ nhận bàn giao không có hợp đồng vay vốn/sổ vay vốn hoặc các giấy tờ nhận nợ khác: 02 bản;

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập đối với pháp nhân, tổ chức kinh tế đối với trường hợp các khoản nợ nhận bàn giao đã áp dụng các biện pháp thu hồi nhưng không có khả năng thu hồi: 02 bản.

d) Số bộ hồ sơ: 02 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Tổng Giám đốc NHCSXH và báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị cho ý kiến để tổng hợp trình Chủ tịch xem xét, quyết định).

e) Đối tượng thực hiện: Cá nhân, hộ gia đình.

g) Cơ quan thực hiện thủ tục: NHCSXH nơi thực hiện thủ tục;

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hội đồng quản trị NHCSXH;

- Cơ quan phối hợp: UBND xã; Tổ TK&VV (hoặc Chủ dự án); Tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác; Tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có).

h) Kết quả thực hiện: Chủ tịch Hội đồng quản trị NHCSXH thay mặt Hội đồng quản trị NHCSXH ký Quyết định xóa nợ.

i) Mức phí, tên phí: Không.

k) Mẫu đơn, tờ khai: Đơn đề nghị xử lý nợ (*mẫu số 01/XLN*).

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:

- Khách hàng vay vốn sử dụng đúng mục đích ghi trong Hợp đồng tín dụng;
- Khách hàng không có khả năng trả nợ và đã được NHCSXH áp dụng mọi biện pháp thu hồi nhưng không thể thu hồi được.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục:

- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

- Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH;

- Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg ngày 11/03/2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/07/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

- Quyết định số 62/QĐ-HĐQT ngày 27/09/2021 của Hội đồng quản trị NHCSXH ban hành Quy định xử lý nợ rủi ro trong hệ thống NHCSXH. *m*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ NỢ

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

Tên tôi là:^(a)

Hiện cư trú tại:

Là thành viên của Tổ TK&VV (Dự án) do

ông (bà):^(b) làm Tổ trưởng (Chủ Dự án)

Tôi làm đơn này xin trình bày với Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) và các cơ quan chức năng nội dung sau:

1. Theo HĐTD (sổ Vay vốn) số....., ngày...../...../..... tôi/tổ chức kinh tế (TCKT) có đứng tên vay vốn chương trình tại NHCSXH.....

Số tiền vayđồng; Thời điểm nhận tiền vay.....; Hạn trả nợ:..... ; Mục đích vay vốn

Hiện nay, tôi còn nợ Ngân hàng số tiền: đồng (Trong đó: Nợ gốc: đồng; Nợ lãi:đồng).

2. Trong thời gian vừa qua do:^(c)

3. Số vốn, tài sản của dự án, phương án vay vốn bị thiệt hại như sau: ^(d)

- Số vốn và tài sản bị thiệt hạiđồng.

(Ghi rõ tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại):

- Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn).....đồng.

- Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản.....%.

4. Tình hình kinh tế, khả năng trả nợ Ngân hàng hiện nay của cá nhân (TCKT) và các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn sau khi gặp rủi ro: ^(đ)

Vậy tôi làm đơn này đề nghị NHCSXH và các cơ quan chức năng xem xét ^(e)..... số nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan của tôi (TCKT), cụ thể:

- Số tiền đề nghị làđồng

(Trong đó: Nợ gốc:..... đồng; Nợ lãi:đồng)

- Thời gian đề nghị tháng

- Kế hoạch trả nợ:^(f)/...../..... số tiềnđồng

...../...../..... số tiền đồng

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai trên đơn và các hồ sơ giấy tờ chứng minh là đúng.

Ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký ghi rõ họ tên, hoặc điểm chỉ;
Đóng dấu (nếu là tổ chức kinh tế))

Một số lưu ý khi lập mẫu số 01/XLN:

(a) Trường hợp người làm đơn không phải là người đứng tên vốn: phải ghi rõ mối quan hệ về nghĩa vụ, trách nhiệm liên quan theo quy định của người làm đơn với người đứng tên vay vốn.

(b) Ghi rõ tên tổ trưởng tổ TK&VV, chủ dự án, người đại diện hợp pháp của TCKT.

(c) Ghi cụ thể nguyên nhân khách quan dẫn đến rủi ro, nguyên nhân dẫn đến không có khả năng trả nợ/thu hồi nợ.

- Đối với trường hợp khách hàng bị rủi ro do các nguyên nhân khách quan quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm c khoản 4 Điều 5 ngoài việc phải ghi rõ nguyên nhân xảy ra rủi ro phải ghi rõ thời điểm xảy ra rủi ro.

- Đối với khoản nợ bổ sung và xóa nợ với nguyên nhân hết hạn khoản chưa hoặc không có khả năng trả nợ ghi cụ thể thời gian các lần được khoan nợ.

(d) Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản được xác định theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 7, riêng đối với trường hợp xóa nợ:

- Tại gạch đầu dòng thứ nhất mục 3 ghi: “không còn tài sản để trả nợ”.
Phân tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại: bỏ trống

- Tại gạch đầu dòng thứ hai mục 3 ghi: “Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn) theo hồ sơ vay vốn”.

- Tại gạch đầu dòng thứ ba mục 3 ghi: “không còn tài sản, phương án, dự án vay vốn”.

(đ) Nêu cụ thể thực trạng và khả năng trả nợ (nêu rõ chưa có khả năng trả nợ hay không có khả năng trả nợ theo từng biện pháp xử lý) của khách hàng và các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn.

(e) Ghi rõ biện pháp đề nghị xử lý nợ (gia hạn nợ, khoan nợ, xóa nợ).

(f) Việc lập kế hoạch trả nợ chỉ áp dụng đối với trường hợp khách hàng đề nghị gia hạn nợ. *M*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Đề nghị xử lý nợ bị rủi ro

(Chương trình)

Hôm nay, ngày tháng..... năm, tại.....
chúng tôi gồm có:

1. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
2. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
3. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
4. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
5. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
6. Ông (bà).....Chức vụ Đại diện
7. Ông (bà).....là khách hàng vay vốn.

Đã tiến hành thẩm tra và lập biên bản đề nghị xử lý nợ bị rủi ro của ông (bà):.....địa chỉ.....

là đại diện hộ gia đình (khách hàng, tổ chức kinh tế) vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) theo HĐTD (Số Vay vốn) số.....ngày...../...../....., có mã món vay.....Cụ thể như sau:

I. Nguyên nhân khách hàng bị rủi ro: ^(a)

II. Xác định mức độ thiệt hại về vốn và tài sản: ^(b)

1. Số vốn và tài sản bị thiệt hạiđồng.
(Ghi rõ tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại):
2. Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn)đồng.
3. Đánh giá mức độ thiệt hại về vốn và tài sản%.

III. Dư nợ tại NHCSXH đến ngày lập biên bản:

Tổng số nợ còn phải trả ngân hàng đến ngày lập biên bản..... đồng.

Trong đó: + Nợ gốc đồng.

+ Nợ lãi đồng.

IV. Đánh giá thực trạng dự án, phương án vay vốn, tài sản và khả năng trả nợ của khách hàng sau khi bị thiệt hại:

1. Đánh giá thực trạng dự án, phương án vay vốn; phương án khôi phục dự án vay vốn:

2. Tài sản hiện tại của khách hàng: ^(c)

3. Đánh giá tình trạng khả năng trả nợ của khách hàng và tất cả các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn: ^(d)

M

4. Về việc áp dụng mọi biện pháp thu hồi nợ: ^(d).....

V. Đề xuất biện pháp xử lý:

Căn cứ vào quy chế xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan tại NHCSXH, thẩm tra tình hình thực tế của khách hàng và các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn, chúng tôi nhất trí xác nhận các nội dung trên là đúng và thống nhất đề nghị NHCSXH, các cơ quan có thẩm quyền xem xét ^(e)cho ông (bà).....với thời gian.....tháng, số tiền.....đồng.

Trong đó: + Nợ gốc đồng.

+ Nợ lãi đồng.

Biên bản này lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau và được các thành viên thống nhất thông qua ký tên dưới đây, *m*

Đại diện khách hàng vay vốn
(Ký ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ, đóng dấu nếu là đại diện pháp nhân) ^(f)

Tổ trưởng Tổ TK&VV
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ tín dụng
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Đại diện UBND cấp xã
(Xác nhận, ký tên, đóng dấu) ^(g)

**Đại diện tổ chức Hội đoàn
thể nhận ủy thác**
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện NHCSXH
(Ký tên, đóng dấu)

Đại diện cơ quan công an cấp xã
(Xác nhận, ký tên, đóng dấu) ^(h)

Đại diện tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có)
(Xác nhận, ký tên, đóng dấu) ⁽ⁱ⁾

Một số lưu ý khi lập mẫu số 02/XLN:

(a) Ghi cụ thể nguyên nhân khách quan dẫn đến rủi ro, nguyên nhân dẫn đến không có khả năng trả nợ/thu hồi nợ.

- Đối với trường hợp khách hàng bị rủi ro do các nguyên nhân khách quan quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm c khoản 4 Điều 5 ngoài việc phải ghi rõ nguyên nhân xảy ra rủi ro phải ghi rõ thời điểm xảy ra rủi ro.

- Đối với khoản nợ bổ sung và xóa nợ với nguyên nhân hết hạn khoản chưa hoặc không có khả năng trả nợ ghi cụ thể thời gian các lần được khoản nợ.

(b) Mức độ thiệt hại về vốn và tài sản được xác định theo Quy định tại điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 7, riêng đối với trường hợp xóa nợ:

- Mục 1 ghi: “không còn tài sản để trả nợ”. Phần tên, số lượng hiện vật bị thiệt hại: bỏ trống.

- Mục 2 ghi: “Tổng số vốn thực hiện dự án (phương án vay vốn) theo hồ sơ vay vốn”.

- Mục 3 ghi: “Không còn tài sản, phương án, dự án vay vốn”.

(c) Thực hiện đối với trường hợp xóa nợ: đánh giá tài sản hiện tại của khách hàng có tham chiếu với tài sản ghi trên hợp đồng vay vốn. Nếu nguyên nhân dẫn đến tình trạng không còn tài sản hoặc còn tài sản nhưng không thu hồi được. Đối với các khoản nợ bị chiếm dụng phải đánh giá tài sản của người chiếm dụng.

(d) Đối với các khoản nợ bị chiếm dụng (nếu có) thì đánh giá khả năng trả nợ, tình trạng của người chiếm dụng.

(đ) Đối với trường hợp xóa nợ: phải ghi rõ nội dung NHCSXH nơi cho vay và các tổ chức, cá nhân có liên quan xác nhận đã áp dụng mọi biện pháp thu hồi nợ nhưng không thu hồi được.

(e) Ghi rõ biện pháp đề nghị xử lý nợ (gia hạn nợ, khoan nợ, xóa nợ).

(f) Trường hợp khách hàng vay vốn không phải làm đơn đề nghị xử lý nợ theo quy định tại điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 8 phải ghi cụ thể nguyên nhân khách hàng không phải làm đơn. (VD: khách hàng chết, không còn các thành viên cùng tham gia ký kết hợp đồng vay vốn...).

(g) Ủy ban Nhân dân cấp xã xác nhận trong những trường hợp theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Quy định.

(h) Công an cấp xã xác nhận trong những trường hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Quy định.

(i) Ghi rõ tên cơ quan ký, xác nhận nội dung.